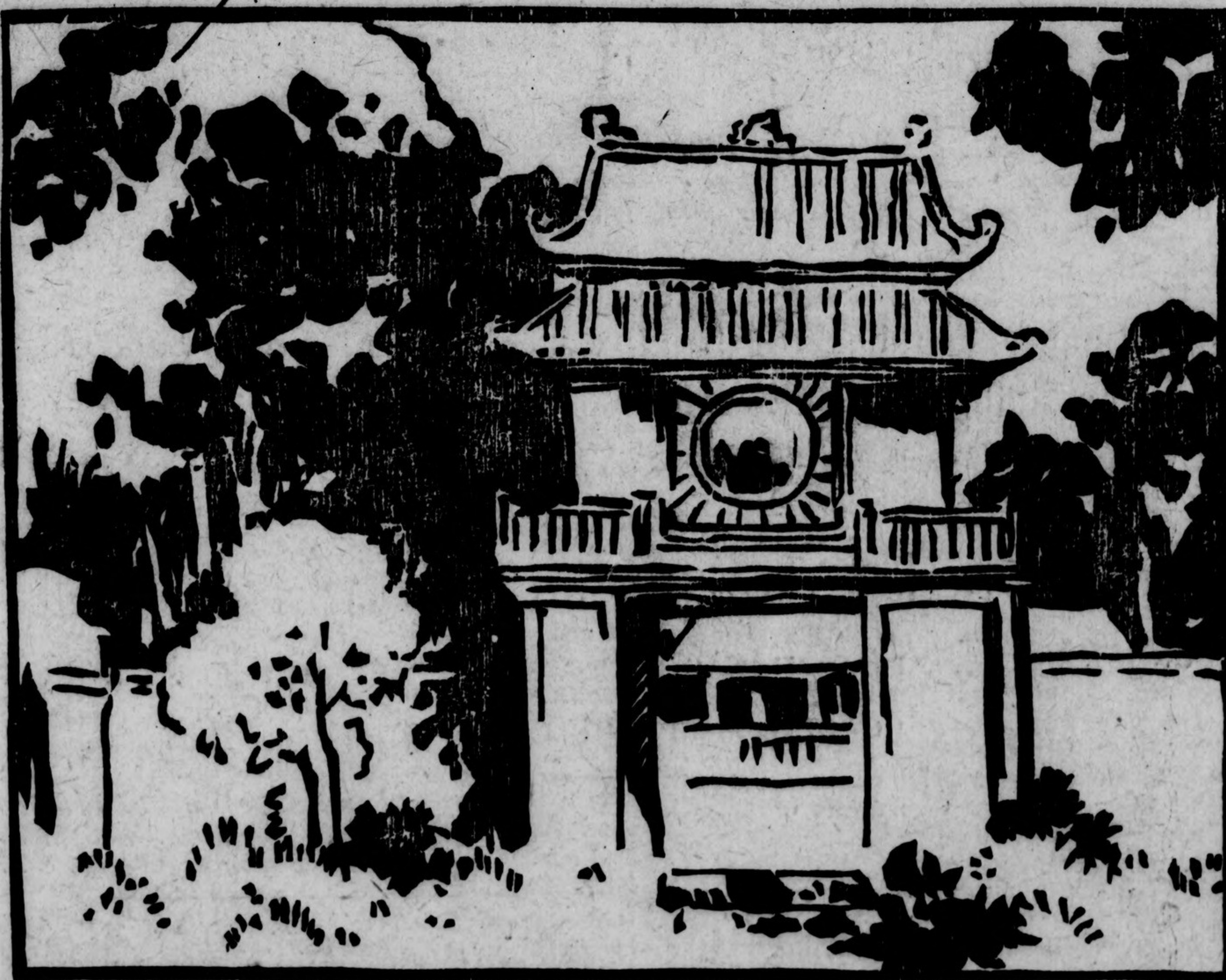
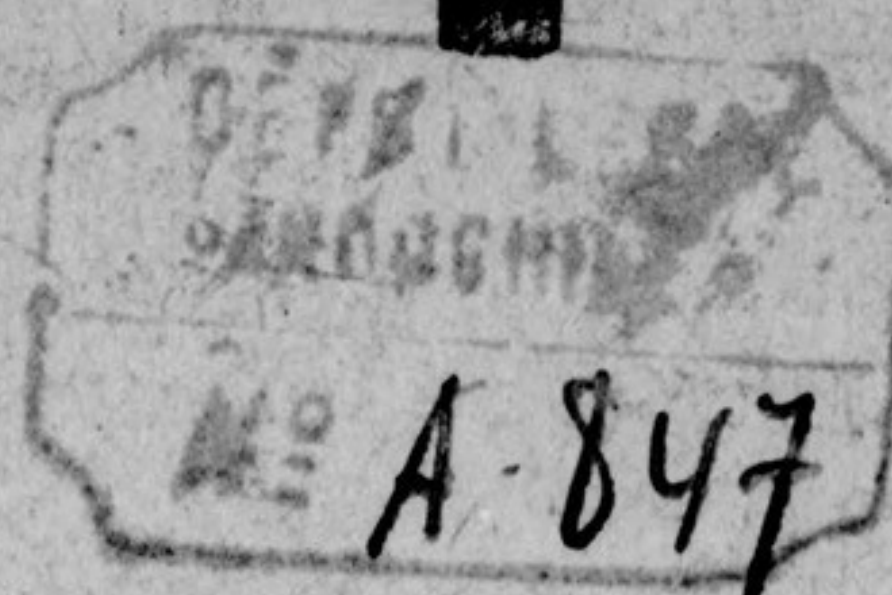


VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BẢN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.



Gác Khuê-văn tại Văn-Miếu (Giám) Hanoi

MỤC LỤC

Thi họa	113	* * *	Những chuyện lý thú trên đàn văn	143
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	122	* * *	Tin tức trong làng văn	145
Lược khảo về văn học sử nước ta	123	* * *	Thơ văn	149
Quốc văn bình giảng	131	* * *	Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng)	152
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp-văn	134	* * *	Hộp thư	157
Khóc Lâm - Tử - Nương	138	* * *	Tự học tiếng Anglais	158
Bình luận sách mới	141	* * *	Tự học tiếng Tàu	161
		* * *	Việt Hán Pháp từ điển	165

Dày 60 trang

Giá 0\$18

VAN - HOC TAP - CHI

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO CỨU, BÀN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

CHỦ - BÚT : Dương-Bá-Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương-Tụ-Quán

TÒA BÁO : 193, Phố hàng Bông Hanoi. — GIẤY NÓI SỐ : 766

		1 năm	nửa năm
GIÁ BÁO	Bắc Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ	4\$00	2\$10
	Ai-Lao, Cao-Mên	4.50	2.40
	Pháp và ngoại-quốc	5.50	2.90

Mua báo xin trả tiền trước

Ai gửi bài lai cáo hay thư từ gì về việc báo, như mua báo, trả tiền báo, đăng cáo bạch vào báo, vân, vân, xin viết cho ông Dương-Tụ-Quán CHỦ-NHIỆM BÁO VĂN-Học, 193, hàng Bông Hanoi

CẤM KHÔNG AI ĐƯỢC PHIÊN DỊCH HAY IN LẠI NHỮNG BÀI VÀ ẢNH TRONG BẢN-CHI. TRỪ KHI NÀO BẢN-CHI CHỦ-BÚT HAY CHỦ-NHIỆM CÓ CHO PHÉP THÌ KHÔNG KỂ

MẤY LỜI KÍNH CÁO

Các ngài mua báo, ai chưa trả tiền, xin kíp gửi mandat về trả cho ; nếu ngài nào ở xa nhà Bưu-Điện không tiện mua mandat, xin cứ gửi trả số tiền báo bằng timbres postes cũng được.

Đường xa góp sức, gánh nặng chung vai, mong các bạn vui lòng gửi ngay về cho. Đa tạ.

Từ kỳ sau, bản chí sẽ biên qui tính phương danh các ngài chưa trả tiền vào một trang riêng để tiện nhắc các ngài.

V. H. T. C.

THI, HỌA



hơ là gì ? Thơ là một bài văn có vần, có điệu ; thơ lại là một « bức tranh » vẽ bằng văn-chương. Nhà thi-sĩ « vẽ » không dùng mực, sơn, hay thuốc vẽ và cũng không lấy vải, lụa để vẽ hình ảnh những phong cảnh thiên nhiên của giới đất hay tình cảnh vui buồn của loài người. Nhà thi sĩ « vẽ » bằng tưởng tượng, trong trí nghĩ ra một phong cảnh gì, hay tình cảnh nào, rồi dùng những tiếng có âm hưởng kết thành câu, đọc lên thấy dịu dàng êm ái, làm cho người đọc phải cảm động như đứng trước « cảnh » vậy. Những âm-hưởng khéo dùng, bài thơ sẽ hay, sẽ thành tuyệt tác, cũng như nhà họa sĩ biết vờn mực, khéo pha thuốc, bức tranh mới tươi đẹp. Một bức tranh đẹp nhìn thấy thích mắt, một bài thơ hay nghe rất êm tai, nhà thi sĩ làm thơ hay khác gì nhà họa sĩ vẽ giỏi.

Bà huyện Thanh Quan khi qua Đèo - ngang, lúc hứng viết ra mấy câu :

*Bước tới đèo ngang bóng sẽ tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

Đã vẽ một bức tranh thủy mặc rất khéo, nào giới, nào đất, nào non núi, nào cây cối, hoa đá, nhân-vật

càng đọc càng hay, càng ngâm càng thích, thật rõ ra hình ảnh « Đèo ngang » trong tâm con mắt người vãng cảnh.

Bà Huyện Thanh-Quan có ngọn bút tài tình đứng đắn, cô Xuân-Hương lại có giọng « chao chát, lẳng lơ », nhưng bức vẽ « Đèo ngang » của cô lại có phần hoạt động hơn; thế mới biết cùng một cảnh ấy, mỗi nhà thi sĩ trông một khác.

Cô Xuân-Hương vịnh « Đèo ngang » một cách phân minh tinh tế như sau đây :

*Một đèo, một đèo, lại một đèo.
Khen ai khéo đặt cảnh treo leo.
Cửa son đỏ loét tùm bum nóc,
Hòn đá xanh rì lún phún rêu,
Lắt-lẻo cảnh thông cơn gió thốc,
Đầm-đìa lá liễu giọt sương reo,*

Bà Nguyễn Thị-Điễm cũng có ngọn bút tài hoa hiếm có. Tập « chinh-phụ » của bà có nhiều bức tranh đọc đến thấy buồn, thấy cảm.

Nào những lúc theo chồng ra đi bên đường thấy :

*Ngodi đầu cầu, nước trong như lọc,
Đường bên cầu, cỏ mọc còn non.*

Người « chinh-phụ » buồn rầu ngao ngán, không bút nào tả hết, chỉ nhìn giòng nước chảy, trông đám cỏ xanh để gửi tâm-sự mình cho nên :

*Nước có chảy mà phiền chẳng tả,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuấy,*

Lại đến khi trông quân-sĩ chầy qua, nghe tiếng nhạc ngựa, trông hàng cờ bay, khi gần khi xa, lúc thương, lúc nhớ, nhà làm thơ chỉ vẽ bằng mấy câu :

*Tiếng nhạc ngựa lẫn chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay,
Hàng-lương chia rẽ đường này,
Bên đường trông lá cờ bay ngui ngui.*

Khi quân chầy hết, cố nhìn theo :
 Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

Một bên tình, một bên cảnh, lòng người « chinh phụ »
 nhờ ngọn bút Bà đã phô bày được hết cả.

Kể về lối văn tả tình tả cảnh, cụ Nguyễn-Du, tác - giả
 quyền « Kim vân-Kiều » thật đã chiếm giải quán quân.
 Giới sáng giảng, cụ tả :

Gương nga vắng vặc dòm song,
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
 Người con gái ngồi trước cửa sổ, buồn trông giăng,
 cái tâm sự nàng, cụ đã « sắp » vào hai câu :

Một mình lặng ngắm tổ-nga,
 Rộn đường gần, với nỗi xa bời bời.

Người con gái gặp cơn gia biến, lưu lạc, ngồi trên
 lầu cao nhìn bốn bề bát ngát, thấy cảnh vật sinh
 lòng cảm động. Muốn tả cái tình cảnh ấy cụ đã
 khéo « thu » vào mấy câu lục bát :

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
 Buồn trông ngọn nước mới sa,
 Hoa trôi man-mác biết là về đâu.
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,
 Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Trên đây chúng tôi đã kể qua vài bức tranh « vẽ »
 bằng quốc - văn, nay xin lấy tranh vẽ của các nhà
 thi-sĩ nước khác.

Trong văn giới nước Pháp có nhiều nhà thi sĩ rất
 sở trường về lối văn tả tình và tả cảnh.

Lamartine tiên sinh, người Tàu thường đem so sánh với các thi gia nhà Đường. trong bài thơ vịnh « cố hương » (la terre natale) đã tỏ được hết can tràng người lữ khách :

MONTAGNES QUE VOILAIT LE BROUILLARD DE L'AUTOMNE,
VALLONS QUE TAPISSAIT LE GIVRE DU MATIN,
SAULES DONT L'ÉMONDEUR ÉFFEUILLAIT LA COURONNE,
VIEILLES TOURS QUE LE SOLEIL DORAIT DANS LE LOINTAIN.

*Núi kia nấp đám mù xanh,
Thung kia sương phủ long lanh mặt gò.
Liễu xanh cành cắt lá rơi,
Tháp xưa, lâu cũ chân gò tà-dương (1).*

lại bài thơ vịnh bướm (le papillon) có mấy câu rất hay :

NAÎTRE AVEC LE PRINTEMPS, MOURIR AVEC LES ROSES,
SUR L'AILE DU ZÉPHIR NAGER DANS UN CIEL PUR.
BALANCER SUR LE SEIN DES FLEURS À PEINE CLOSES,
S'ENIVRER DE PARFUMS, DE LUMIÈRE ET D'AZUR.

*Xuân sang bướm cũng nhớn nhor,
Hoa tàn bướm cũng theo hoa còn gì.
Gió xuân đưa bướm đi về,
Vui chơi hoa nở say mê hương gò.*

Nhà thi-sĩ Alfred de Musset cũng là một tay danh họa trong làng văn nước Pháp, còn gì đẹp bằng bức vẽ « bồ nông » (le pélican) với đàn con lúc chiều gò bóng xế :

LORSQUE LE PÉLICAN, LASSÉ D'UN LONG VOYAGE,
DANS LES BROUILLARDS DU SOIR RETOURNE À SES ROSEAUX.
SES PETITS AFFAMÉS COURENT SUR LE RIVAGE,
EN LE VOYANT AU LOIN S'ABATTRE SUR LES EAUX,
DÉJÀ CROYANT SAISIR ET PARTAGER LA PROIE,
ILS COURENT À LEUR PÈRE AVEC DES CRIS DE JOIE.

1) Bản dịch của T. D. T. C.

Bồ-nồng mỗi cánh phượng giới.
 Giở về khóm sậy sương phôi bóng chiều ;
 Đàn con đã vui điệu vui đón,
 Thấy cha về sóng gợn xa xa,
 Tưởng rằng được miếng chia pha,
 Vui ra bãi cát đón cha reo mừng ;

Cụ V. Hugo, một tay thi sĩ cự phách, là người đã khởi
 sừng lên học thuyết lãng-mạn (romantisme) ở nước
 Pháp, văn chương cụ lừng lẫy một thời, trong bài « người
 nghèo khổ » (Les pauvres gens), cụ có phác họa cái lều
 của chú đánh cá :

IL EST NUIT. LA CABANE EST PAUVRE, MAIS BIEN CLOSE,
 LE LOGIS EST PLEIN D'OMBRE ET L'ON SENT QUELQUE CHOSE
 QUI RAYONNE À TRAVERS CE CRÉPUSCULE OBSCUR.
 DES FILETS DE PÊCHEUR SONT ACCROCHÉS AU MUR.
 AU FOND, DANS L'ENCOIGNURE OÙ QUELQUE HUMBLE
 [VAISSELLE
 AUX PLANCHES D'UN BAHUT VAGUEMENT ÉTINCELLE

Giời vừa tối, vừng ô khuất bóng,
 Trong lều gianh, cửa đóng then cài.
 Âm thầm lạnh lẽo canh giải,
 Lửa đâu ánh ánh một vài tia con.
 Trông ngang vách lưới mòn treo rũ,
 Trên mặt rương, bát cũ lập loè.

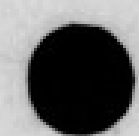
Ông Lamartine, ông A. de Musset, cụ V. Hugo đều là
 những thi-sĩ về thể-kỷ mới qua, còn các nhà thi - sĩ
 cận kim cũng có nhiều bài rất hay vẽ được hết phong
 cảnh mà tâm con mắt đã thu lại.

Ai đọc qua văn thơ ông Crayssac (biệt hiệu Mặt-Giăng)
 chắc còn nhớ bài vịnh “ Hồ tây ”

DE LA PETITE DIGUE AU CONFUS HORIZON,
 DENTELÉ D'ARÉQUIERS BOUGEURS, DE BAMBOUS VAGUES.
 LE GRAND LAC BERÇE, AU RYTHME ALANGU DE SES VAGUES,
 L'EMPHATIQUE SPLENDEUR DU SOLEIL MORIBOND.

LA PAGODE AUX DÉTAILS CAPRICIEUX CHÂTON,
 FIER ET SOMBRE, PRÈS DE LA RIVE, VERTE BAGUE
 MENACE DE SON TOIT POINTU COMME UN DAGUE,
 L'AZUR OU TRAIÑE L'ADIEU PÂLE DES RAYONS.

*Từ đê trông xuốt chân giời,
 Xanh xanh tre nhạt, toi bời cau rung.
 Bầu hồ dịp sóng mênh mông,
 Dập dờn như dờn bóng hồng tà dương.
 Khu chùa đứng dựa bên đường,
 Trông như mặt ngọc trên vòng nhẫn đeo.
 Nóc chùa nhọn tựa thanh đao,
 Chọc giời xanh ngắt bóng chiều thướt tha.*



Những bài thơ trên đây đều có thể gọi là bức họa mà tác-giả đều là họa sĩ. Thơ Đường có câu : Hữu mai vô tuyết bất tinh thần, hữu tuyết vô mai tục liễu nhân ; (có hoa mai mà không có tuyết thời không được tinh thần, có tuyết mà không có mai thời trông tục). Đọc một bài thơ tuy hay, nếu lại được xem bức họa vẽ theo bài thơ ấy, cái hay càng rõ ràng, không những được ngâm nga các từ-diệu, lại được xem cảnh vật phô bày ra trước mắt, nhà họa sĩ cũng giúp ngòi bút cho nhà văn sĩ đề thêm vẻ đậm đà.

Người Tàu vì ý này đã nghĩ ra cách « nhất thi nhất họa » (một bài thơ một tranh vẽ) cho nên tranh vẽ và đồ sứ cổ của người Trung-hoa có nhất thi nhất họa đều tuyệt đẹp.

Lấy ngay một bức cổ họa (2) trong tranh có câu thơ :

*Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,
 Giang phong, ngư hỏa, đối sầu miên.*

2) Đến đây tôi xin phép các nhà chơi đồ cổ, đánh trống qua cửa nhà sấm. T. D.

*Cô-tô thành ngoại Hàn san tự,
Già bán chung thanh đảo khách thuyền (1).*

Đọc mấy câu ấy lên nghe chỉ thấy êm tai, thích cho người hiểu, nhưng thích là thích, thật ra hồ dễ ai đã tưởng tượng được hết tinh thần bài thơ.

Nếu dưới mấy câu ấy, nhà họa sĩ khéo dùng ugon bút vẽ ra thời cái bóng giăng lặn chênh chếch về tây, cái màn sương trắng xóa bao la giới đất, đàn quạ bay lả tả sang nam, người khách nằm trong khoang thuyền trông bóng đèn thấp thoáng của phường đánh cá, lắng tai nghe tiếng chuông chùa trên đỉnh núi có vẻ ngân ngơ sâu muộn, sẽ làm cho người đọc thơ xem tranh thấy thích mắt vui tai.

Tôi lại lấy tỉ-dụ bộ chén cồ vẽ ông Trương-Lương (2) theo tiên. Trong chén có câu thơ :

*Trích lý vân hà ngoại,
Ân cần cố quốc tâm (3).*

Đọc xong hai câu này ta cũng chỉ biết tâm sự ông Trương-Lương trong một phạm-vi nhỏ hẹp, nếu nhìn bức vẽ (4) sẽ thấy : này đây đứng dưới gốc cây tùng, ông Trương lưu-Hầu với tên tiểu đồng lệch-thếch quây gói. Vẽ ông Trương-Lương đứng không có nghĩa gì, nhà họa-sĩ « chắm » một tay ông trở lên giới để giăng câu thơ « trích lý vân hà ngoại », một tay trở vào bụng để ngụ ý câu « ân cần cố quốc tâm ». Nếu ông Trương-Lương tự mình nói câu ấy lại không hay, lại phải vẽ

(1) Mặt giăng lặn, quạ kêu, sương xuống đầy giới, gió thổi trên sông làm nhóng nhánh đèn của bọn đánh cá trông mà buồn, người khách nằm trên thuyền đậu bến, nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn san.

(2) Trương-Lương là công thần đã giúp vua-Hán-Cao Tổ phá Tần diệt Sở, sau bỏ công danh phú quý đi tu tiên.

(3) Chiếc giầy đứng đỉnh ở ngoài mầu giăng, mà lòng nhớ nước cũ vẫn còn ân-cần.

(4) Xem bức vẽ ở trang sau.

thêm người thân-nhân qui dưới đất nài ông giở lại, nhưng lòng ông đã quyết, còn ai kéo được vào con đường danh lợi.



Bức họa này chúng tôi giấp theo đúng ở trên cái đĩa giâm cổ của ông T. Đ. cho mượn.

Một bức vẽ con con mà hàm súc bao nhiêu ý-tưởng vì đã tả được hết tâm sự người chủ động.

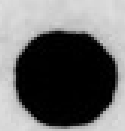
Lại lấy một cái bát cổ « xích xích ». Ai không biết mùa thu năm Nhâm-tuất ông Tô-Đông-Pha (1) cùng bạn là Hòa-Thượng Phật-ấn thả một con thuyền lơ-lửng giao chơi trên sông Xích-Bích, giảng trong gió mát, cây cối

1) Tô-đông-Pha là danh sĩ nhà Tống bên Tàu, văn hay chữ tốt.

rườm rà, hai nhà du khách bàn hết chuyện kim rồi chuyện cồ, sinh lòng hoài cồ. Cuộc phiếm du ấy nhà thi sĩ chỉ tóm lại có hai câu thơ đề vào bát :

*Ngô đồng nguyệt hướng hoài trung chiếu,
Dương liễu phong lai diện thượng suy (1)*

Nếu có xem bức tranh vẽ mới biết người chấm cũng theo ý người làm thơ: này là cây ngô đồng bóng giăng chiếu qua rồi chiếu vào bụng hai nhà du-khách nên nếp áo đều đề trắng, lại cũng trên bờ cây dương liễu thướt tha theo chiều gió thổi, ngọn gió kia lại thổi vào mặt Tô công nên râu tóc đều phát phơ.



Cứ lấy những bức tranh « tí hon » này mà suy thời thi với họa có liên lạc cùng nhau. Ta đọc một bài thơ chỉ thấy cái hứng-vị trong tâm trí, nhiều khi không hiểu hết được tâm-lý của tác-giả, lại cần phải có nhà họa-sĩ tô điểm thêm vào mới biết hết được cái hay cái khéo của nhà làm thơ.

Nói ngay như người đọc bài tựa « Đằng Vương Các » đến câu : « Lạc hà dữ vô vụ tề phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc » (2) rồi gập sách lại tưởng tượng cảnh ấy. nếu được đứng trên gác cao trông ra : kia giòng nước biếc lẫn khoảng trời xanh, nọ bóng sẽ với đàn cò bay thời cái cảm tình lúc ấy chan chứa biết bao vì câu văn đã nhờ được có bức họa điểm tô mà thêm mười phần linh động.

TIÊN - ĐÀM

1) Mặt giăng chiếu vào cây ngô đồng rồi chiếu vào bụng, gió thổi vào cây dương-liễu rồi thổi vào mặt.

2) Ông Trần-tuấn-Khải đã dịch đăng ở Văn-học Tạp chí số 5 :
Cò theo giăng lặn nước đều giới thu.

Dương - Tự - Nguyên

MỘT Ý KIẾN

VỀ SỰ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC - NGỮ

(Bài này viết theo lối chữ quốc-ngữ mới) Xem Văn-Học số 5

SAO GOIJ LAF LOOIQ CHEUW CHUA AAM ?— Looiq cheuw chua aam teuc laf mootj cach viet, yungf cheuw ghep vaanf, cheuw aam, hoeacj nhieuf yaauq hieuj rieng, deez chiz row cach docj cuaz mootj theuq cheuw cuaz neuoc minhf hoeacj cuaz neuoc ngoaif deez cho ngeuoit hocj yeew nhaanj yeew hieuz.

Ai daw hocj qua tiengq neuoc ngoaif, eat chuq iq deenq nhieuf cach chua aam cuaz ngeuoit cac neuoc ; mooiw booj sach coq mootj cach chua giongj rieng, vaf mooiw tac giaz yungf nheungw yaauq hieuj khác nhau. Ngeuoif hocj hayw yungf booj sach naof chiz nhioq nheungw yaauq hieuj rieng cuaz booj sach aayq maf thooi.

Thiq yuj nheu trong cac teuj-dienz Eang-lee, coq booj chua cheuw *laugh* laf *laf*, cheuw *dream* laf *drêm*. Trong teuj-dienz cuaz ngeuoif Eang-lee hocj tiengq Phap, cheuw *étudier* chua laf *eh-teud'yeh*, cheuw *demeurer* chua laf *der-mêr-reh*. Trong teuj-dienz cheuw Tauf, cheuw *thien* (天) chua laf *tha nien*, cheuw *phaatj* (佛) chua laf *phuf-vaatj*; conf ngeuoi aau-taay hocj tiengq tauf thif chua cheuw *thien* laf (*tî'n*) *phaatj* laf (*fút*).

Cheuw kuoc-ngeuw cuaz minhf cungw laf mootj looiq cheuw chua aam cuaz ngeuoif taay yungf deez hocj tiengq Annam.

Khi xeua ta hocj cheuw Tauf thif meunonj cheuw Tauf deez chua giongj noiq cuaz minhf, teuc laf looiq cheuw noom khi treuoc ; ngayf nay ta hocj cheuw Phap, lai meunonj vaanf La-maw deez chua giongj noiq cuaz minhf, teuc laf cheuw kuoc-ngeuw baay giiof. Treuoc sau cungw deeuf laf mootj looiq cheuw chua aam maf thooi. Cheuq seuj thaatj thif ngeuoif minhf cheua có mootj looiq vean-teuj thích-biopj cho ngeuoif minhf yungf.

Mong reangf cac nhaf coq taam vioiq caiq tienf doof kueoc vean sew gheangq seuc seuaz dooiz cheuw kueoc nguew cho thanhf mootj theuq vean-teuj hoanf toanf.

ea = ă, aa = â, ee = ê, oo = ô, io = ơ, eu = u, euo = ư, ien = iên, uan = uân, uoc = uộc, q = ơ, f = ư, z = ơ, w = ư, j = ư

LƯỢC KHẢO VỀ

VĂN HỌC SỬ NƯỚC TA ⁽¹⁾

HÁN-VĂN

Thời kỳ thứ hai

LÝ-TRẦN

(Từ giữa thế-kỷ thứ XI đến thế-kỷ thứ XIV)

Trong thời kỳ này, trên triều-đình mới định phép học phép thi, chọn người khoa-mục để làm quan, dưới sĩ-phu nô nức học tập, nên nhân tài xuất thân ở Hán-học đã nhiều và đã có các văn-gia tư-tác.

Tuy trong hai đời Lý, Trần, đạo Phật vẫn còn thịnh, coi như vua Lý - Thái - Tổ chính là bởi tay ông sư Lý-Khánh-Văn nuôi nấng và một ông sư khác dạy dỗ, nên khi ngài lên ngôi rồi, rất trọng đạo Phật ; lại đến đời nhà Trần thì dân tôn thiên - tử là hòa-thượng, hoàng - hậu là bà vải, các vương công là tăng chúg thì đủ biết ; song vì dưới thì dân gian đã tiêm nhiễm Hán-học, trên thì triều-đình tưởng lệ việc học, nên đạo nho cũng được cùng với đạo Phật tiến hành, rồi dần dần át được cả đạo Phật.

Vậy trước hết ta hãy xét về phép học phép thi, sau xét về sách vở thơ văn trong hai đời ấy.

1) Xem từ Văn-học số 5, số 6.

Phép học phép thi. — Đời nhà LÝ, vua THÁNH-TÔN (1054-1072) có ý muốn mở mang sự học, nên lập Văn-miếu (tức là Giám ở Hanoi bây giờ) (1) để thờ ông Khổng-tử và các bậc tiền hiền. Nước ta có Văn-miếu bắt đầu từ đây.

Đến năm 1075, vua NHÂN-TÔN mở khoa thi *minh kinh bác học* để kén người văn học làm quan; nước ta bắt đầu mở khoa thi từ đây. Năm 1076, lập Quốc tử giám để bổ những người văn-học vào dạy. Năm 1086, mở khoa thi kén người văn-học sung vào viện Hàn-lâm.

Trong đời nhà Lý, chưa thấy định mấy năm một lần thi, nghĩa là thi cử chưa có thường. Cứ trong sử chép, tất cả có 6 khoa: trừ hai khoa vừa kể, còn năm 1093 mở khoa thi đình, năm 1110 thi học-sinh, năm 1130 và 1138 đều mở khoa thi kén người xung chức thi-học.

Trong đời nhà Lý, đạo Phật hãy còn thịnh, nên năm 1311, đời vua ANH-TÔN có mở khoa thi *tam giáo* (đạo nho, đạo Phật, đạo Lão).

Đến đời nhà TRẦN, năm 1232, vua THÁI-TÔN mở khoa thi *Thái-học-sinh* (tức là thi Tiến sĩ về sau) đặt ra ba giáp; năm 1239 lại định hẳn 7 năm một khoa thi; đến năm 1247 lại đặt ra tam khôi: trạng-nguyên, bảng-nhơn và thám-hoa. Năm 1253, lập Quốc học viện để giảng tứ thư ngũ kinh.

Đầu bài thi trước kia thế nào không rõ. Đến năm 1311, vua ANH-TÔN định lại phép thi, chia làm 4 kỳ: kỳ thứ nhất: ám tả; kỳ thứ nhì: kinh nghĩa và thơ phú; kỳ thứ ba: chế, chiếu, biểu; kỳ thứ tư: văn-sách.

Trong đời nhà Trần, năm 1247, cũng có mở khoa thi *tam giáo*.

Hồ-Quý-Lý lên cầm quyền cũng sửa sang việc học việc thi nhiều. Trước hết đổi *phép thi*: nhất trường bỏ ám tả, thi kinh nghĩa, nhị trường, thơ phú, hai kỳ sau

1) Xem ở ngoài bia bức vẽ gác Khuê-Văn tại Văn-Miếu Hanoi,

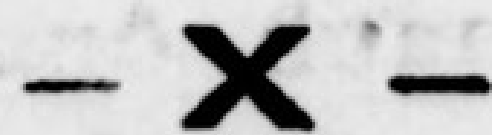
như cũ. Sau lại thêm một kỳ thi toán-học. *Kỳ thi* định lại cứ ba năm một khoa : năm trước thi hương, năm sau thi hội.

Về việc học, Quí-Ly cũng có ý mở mang lắm ; năm 1399, thấy việc học trong nước trừ chỗ kinh-đô ra, còn ngoài chưa hề tổ-chức, bèn hạ lệnh đặt ở các lộ, phủ, châu các trường *tiểu-học*, bổ các giáo-viên, còn lương bổng chi phí thì lấy ruộng sung vào. Các quan phải coi sóc các giáo chức dạy dỗ cho chăm chỉ và học trò học hành cho tấn tới. Cuối mỗi năm thi một lần ; những người học trò nào thực giỏi thời đệ tên lên nhà vua xét lại rồi bổ dùng cho làm việc quan.



Tóm lại mà xét, thời trong đời nhà Trần, phép học phép thi ngày một tinh tường, sau này hai triều Lê, Nguyễn cũng phỏng theo đó. Đến như Hồ Quí-Ly lại có chí cải-lương hẳn lại phép thi phép học : phép thi thì muốn đem các món thực-dụng (như toán-pháp) xen cùng các món từ-chương ; phép học thì là người đầu tiên biết tổ-chức nền tiểu-học cho cả bàn dân.

Nhưng Hồ Quý-Ly cầm quyền trong nước không được bao lâu nên cái học qui dự-định ra chưa thi-hành được hoàn-toàn.



Thơ văn sách vở — Phép học, phép thi đã qui-định chỉnh-đốn thì việc trừ-thuật cũng theo đấy mà ngày một phát-đạt lên.

Về đời nhà LÝ, tuy chưa có sách vở gì có giá-trị xuất-hiện, song cũng đã có nhiều nhân-tài do nho-học đào tạo nên. Ông Lý-Thường-Kiệt là một bực danh tướng có công trong việc đánh nhà Tống, có làm một

bài thơ (1) khiến cho quân sĩ đọc lên đều nức lòng phấn đấu. Ông Tô-Hiến-Thành là một bậc trung-thành có công giúp vua trẻ yên việc nước.

Đến đời nhà TRẦN thì nhân-tài do nho-học xuất thân lại nhiều lắm. Hoặc đem tài thao-lược để dẹp giặc như các ông-TRẦN-QUỐC-TUẤN, TRẦN-QUANG-KHẢI, PHẠM-NGŨ-LÃO. Hoặc đem học-vấn đạo-đức ra giúp vua trị dân như các ông MẠC-ĐỈNH-CHI, TRƯƠNG-HÁN-SIÊU, NGUYỄN TRUNG NGẠN, CHU VĂN-AN.

Ông TRẦN-QUỐC-TUẤN-(mất năm 1300) là một bậc danh tướng đã có công đánh đuổi quân Mông-cổ hai lần định chiếm lấy nước ta. Khi quân Nguyên tràn sang nước ta. tình-thế rất là nguy-nan, ông bèn nghiên-cứu các bộ binh-thư, soạn thành cuốn *Binh-thư yếu-lược*. Lúc ban phát cuốn ấy, ông có làm một bài *Hịch* để khuyến-khích các tướng sĩ, lời lẽ hùng-hồn thống thiết, cảm động đến lòng người.

Ông TRẦN - QUANG - KHẢI (mất năm 1294) và ông PHẠM - NGŨ - LÃO là hai bậc tướng giỏi đã hết sức giúp ông Trần-Hưng-Đạo trong việc đánh quân Nguyên,

(1) Sử chép rằng khi ông Lý thường Kiệt đánh nhau với quân nhà Tống, thế giặc đương mạnh, ông sợ quân mình ngã lòng, bèn nói thác rằng thần cho bốn câu thơ :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
 Tiệt-nhiên định phận tại thiên thư.
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
 Như đẳng hành khan thủ bại hư.

Nghĩa là : Núi sông nước Nam thì vua nước Nam ở. Rõ ràng phận đã định ở trong cuốn sổ của trời. Làm sao bọn giặc lại lấn cướp [đất của ta]. Rồi đây xem chúng mi sẽ bị thua hại hết

đều có vịnh thơ, lời lẽ rất khẳng khái mạnh mẽ (1).

*

Ông MẠC-ĐÌNH-CHI đỗ trạng nguyên năm 1311 đời vua Trần-Anh-Tôn là một tay danh sĩ đại tài. Còn truyền lại của ông bài *Ngọc tỉnh liên phú* (2) và các câu đối cùng từ khúc ông làm ứng khẩu khi sang sứ Tàu. Coi những câu ấy đủ biết ông có tài ứng đối nhanh, nói ra là thành văn vậy.

*

Ông TRƯƠNG-HÀN-SIÊU là một bậc danh nho làm quan về hai đời vua Anh-Tôn (1293-1314) và Minh-Tôn (1314-

(1) Sử chép rằng sau khi ông Trần quang Khải đã lấy lại được thành Thăng-Long trước kia bị quân Nguyên chiếm giữ, mở tiệc khao quân có ngâm, bài thơ rằng :

Đoạt sáo chương - dương độ,
Cầm hồ Hàm-tử quan
Thái bình tu chí lực
Vạn cổ thử giang san.

Nghĩa là : Cướp giáo giặc ở bến đò Chương dương (thuộc địa phận huyện Thượng - phúc tỉnh Hà - đông) ; bắt quân Hồ (chỉ quân Mông-cổ) ở cửa Hàm tử (thuộc huyện Đông yên, tỉnh Hưng yên). Thái bình nên gắng sức, núi sông này còn lại mãi mãi muôn đời.

Ông Phạm ngũ Lão có bài thơ thuật hoài rằng.

Hoành sáo giang sơn lịch kỷ thu,
Tam quân tỳ hồ khí thôn Ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu tĩnh nhân gian thuyết Vũ-hầu.

Nghĩa là : cầm ngọn giáo ngang dọc trong nước non đã trải mấy năm. Ba quân thì mạnh mẽ như cọp như gấu, khí mạnh có thể nuốt được sao Ngưu. Làm người con trai, nếu chưa trả sạch nợ công danh, nên lấy làm xấu hổ khi nghe người ta nói truyện ông Vũ Hầu (tức là Gia-Cát-Lượng là một bậc tướng giỏi ở đời Tam quốc bên Tàu).

2) *Ngọc tỉnh liên* nghĩa là cây sen dưới giếng ngọc. Truyền rằng khi ông đi thi, vua thấy ông người xấu, không muốn cho đỗ Trạng-nguyên, ông bèn làm bài này để tự ví với cây sen khuất ở dưới giếng. Vua mới cho đỗ.

1329), có làm bài *Bạch đằng giang phú* trong nhắc lại cái công đánh dẹp của vua tướng nhà Trần khi đánh quân Nguyên mà kết lại cái ý phải lo giữ đất nước, lời văn lưu loát, cũng là một áng văn hay. Ông lại soạn bài *ký tháp Linh-tế* khắc vào đá trên núi Dục-thúy (1) và bài *ký chùa Quan-nghiêm*.

*

Cuối đời nhà Trần có ông CHU-VĂN-AN là một nhà danh nho và một bậc cao sĩ. Khi ông làm quan đời vua Dụ-Tôn (1341-1369) nhân có một bọn quyền thần làm bậy, chính trị bại hoại, ông mới làm bài *thất trăm sớ* xin chém bảy người, nhờ nhẽ rất là đoan chính. Vua không nghe, ông liền từ chức xin về nhà dạy học làm sách, soạn ra bộ *tứ thư thuyết ước*.

*

Khi nhà Minh sang đánh nhà Hồ chiếm cứ nước ta, có ông NGUYỄN-CẢNH-TUÂN làm bức *vạn ngôn thư* (bức thư có một vạn nhờ nói) đề xin nhà Minh nên nhớ nhờ hứa cũ mà lập lại con cháu nhà Trần, nhờ nhẽ rất là trung trực.

*

Ông ĐẶNG-DUNG là một bậc mãnh-tướng hết lòng giúp vua Hậu Trần đánh lại quân Minh, có một bài thơ thuật hoài (2) nay còn truyền tụng, ý khí trung-liệt, nhờ nhẽ thống-thiết, cũng là một áng văn hay.

* *

1) Núi *Dục-thúy* (thường gọi nôm là *núi non nước*) ở gần tỉnh lỵ tỉnh Ninh-bình bây giờ. Tấm đá khắc bài ký ấy nay hãy còn.

(2) *Thề sự du du nại lão hà!*

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
 Thời lai đồ điều thành công dị,
 Vạn khứ anh hùng ẩm hận đa.
 Trí chủ hữu hoài phù địa trục,
 Tây bình vô lộ vân thiên hà.
 Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,
 Kỳ độ long toàn đới nguyệt ma.

Các thơ văn kể trên này không phải là những lối ngâm vịnh chơi bời, thuần là những bài thiết-thực có quan-hệ đến thời thế đến lịch sử cả.

Lối thơ văn ngâm vịnh đời bấy giờ cũng thịnh lắm. Cứ theo sách *Lịch triều hiến chương* của ông Phan-huy-Chú thì các vua THÁI TÔN, THÁNH TÔN, NHÂN TÔN, MINH TÔN, NGHỆ TÔN đều có ngự chế thi tập cả. Ông NGUYỄN TRUNG NGẠN là một người danh thần về cuối đời Trần cũng có hai tập thơ: *Tiền ần thi* và *Giới hiên thi tập*. Ông NGUYỄN PHI KHANH đậu bảng-nhơn (tức là ông thân sinh ra ông Nguyễn Trãi) cũng có tập *Nhị-kê thi tập*.

Ông HÀN-THUYỀN ở về đời vua Nhân Tôn là ông tổ văn nômi ở nước ta (sau sẽ nói tường) cũng có tập văn chữ nho là *Phi sa tập*.

Các sử gia đời bấy giờ thì có ông LÊ-VĂN-HƯU đồ bảng nhơn năm 1247 đời vua Trần Thái Tôn, làm ra bộ *Đại-Việt sử ký* chép từ Triệu Võ-vương đến Lý Chiêu-Hoàng tức là ông tổ sử học nước ta. Đến cuối nhà Trần có ông HỒ TÔN THỐC làm bộ *Nam-Việt thế-chi* và bộ *Việt Sử cương mục*. Sau ông Ngô sĩ Liên có khen bộ *Việt sử cương mục* ấy rằng chép việc cẩn-thận mà có phép, luận việc thiết-thực mà không thừa; tiếc rằng mấy bộ sử ấy đến nay không còn truyền lại nữa.

Dịch nômi: Việc đời bời rồi tuổi già vay!

*Trời đất vô cùng một cuộc say.
Bàn tiện gặp thời lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngâm càng cay.
Vai mang trái đất mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gương mài bóng nguyệt biết bao rày.*

(theo bản dịch của ông TRẦN-TRỌNG-KIM)

Tóm lại mà nói trong hai đời Lý, Trần, tuy đạo Phật đạo Nho đều tiến hành, nhưng đạo Phật thịnh ở trước mà đạo Nho thịnh về sau. Phép thi phép học qui - định dần dần mà đến cuối nhà Trần đã là hoàn - hảo. Còn về sự trứ - thuật thời các sĩ - phu chưa chuộng từ chương, nên các sách vở văn thơ phần nhiều là thuộc về đường kinh-luân thiết - thực mà ít phần văn - chương hoa - mỹ rõ ràng tính chất của một nền văn-học mới phát-đạt vậy.

* * *

Đến khi nhà MINH sang cai trị nước ta, muốn thi hành cái chính-sách đồng - hóa, nhất thiết các cái, từ tế tự ăn mặc cho chí học hành, đều bắt ta theo như Tàu cả, mà cái gì là biểu-hiệu cái văn-hóa đặc-sắc của nước mình thì muốn làm cho mất tích đi. Mở nhà học ở các phủ, châu, huyện; chọn các thầy âm dương, thầy thuốc, thầy chùa, đạo-sĩ, ai giỏi nghề gì cho làm quan dạy nghề ấy. Lại lấy ngũ kinh tứ thư và bộ tính lý đại toàn in sẵn ở bên Tàu đem sang ban cấp cho các học trò, còn bao nhiêu sách vở của nước Nam từ đời Trần về trước thu lấy cả đem về Tàu (1), vì vậy nên nhiều bộ bây giờ chỉ còn truyền lại tên mà sách thì không thấy thật là một cái thiệt hại to cho nền văn học nước ta mà là một cái tội ác lớn của người Minh vậy.

HẢI-LƯỢNG

(Còn nữa)

Kỳ sau sẽ tiếp



1) Các sách ấy trong quyển Lịch triều hiến chương (văn lịch-chi) của ông PHAN-HUY-CHÚ có kê rõ tên sách và tác-giả, tất cả 33 quyển.

QUỐC-VĂN BÌNH-GIANG

Thăng-long hoài cổ

Tạo-hóa gây chi cuộc *hi-trường*,
Đến nay trái đã mấy *tinh-sương*.
Lối xưa xe ngựa làn thu thảo.
Chốn cũ lâu đài bóng *tịch-dương*.
Đá vẫn bền gan cùng *tuế-nguyệt*,
Nước còn cau mặt với *tang-thương*.
Nghìn năm gương cũ soi *kim-cổ*,
Cảnh ấy người đây luống *đoạn-trường*.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Chú thích. — *Thăng-long* : Kinh thành Thăng-long tức thành phố Hà-nội bây giờ. *Hoài cổ* : Hoài là nhớ, cổ là xưa, *hoài cổ* là nhớ lúc khi xưa. *Tạo-hóa* : Tạo là gây dựng, hóa là hóa sinh, tạo hóa là đấng gây dựng hóa sinh ra muôn vật tức là trời. *Hí-trường* : hí là trò chơi, trường là nơi trường sở rộng như rạp, xiềng v. v. *hi-trường* là cái rạp hát chèo (bội). *Tinh-sương* : tinh là sao, sương là sương, tinh sương là sao với sương, tức cũng như nói ngày tháng. *Thu thảo* : thu là mùa thu, thảo là cỏ, thu thảo là cỏ mùa thu. *Tịch-dương* : tịch là buổi chiều, dương là mặt trời, tịch-dương là mặt trời buổi chiều. *Tuế-nguyệt* : năm

thắng. *Tang - thương* : tang là đau, thương là bề, *tang thương* là đau bề nói bóng là cuộc biến đổi trong đời người, vì cuộc đời đương thế này biến ra thế khác, cũng khác nào đương bề cả biến thành nương dâu. *Kim-cổ* : kim là nay, cổ là xưa, kim-cổ là từ xưa đến nay. *Đoạn-trường* : đứt ruột (buồn rầu đau đớn).



Giải nghĩa.— Bài thơ này bà huyện Thanh-Quan trông thấy cái cảnh suy đồi ở thành Thăng-long bấy giờ mà chạnh nhớ tới cái cảnh phồn thịnh của thành Thăng-long ngày xưa, động lòng cảm khái mà làm ra.

Câu 1, tác-giả ngụ ngay ý cảm khái mà nói : Trời gây dựng ra làm chi một nơi đô-hội là cái kinh thành Thăng-long này thay đổi bao lần ; nào khi vui lúc buồn, khi suy lúc thịnh y như là những cuộc trong rạp hát tuồng vậy.

Câu 2, tác-giả tả cái tình hoài cổ mà nói : Từ lúc có cái đất Thăng long này đến nay trải đã bao ngày tháng, đã bao đời rồi.

Câu 3, 4, tác-giả tả cái cảnh bây giờ trước con mắt mình thấy đối chiếu với cái cảnh ngày xưa trong bụng mình còn nhớ mà nói : những lối ngày xưa xe ngựa đi dậm dịch vui vẻ là nương nào mà bây giờ chỉ là một làn cỏ héo mùa thu trông uá vàng thảm đạm ; những chỗ ngày xưa lâu đài chót ngút đẹp đẽ là nương nào mà bây giờ chỉ có cái bóng mặt trời buổi tối trông lạnh-lẽ tiêu-diêu.

Câu 5, 6, tác-giả tả cái cảnh tự-nhiên mình trông thấy mà cũng súc động cái tình cảm khái, nói : chỉ có đá trên núi kia, bao nhiêu năm tháng, vẫn bền gan đứng vững chơ chơ, không theo với cuộc đời thay đổi, mà hình như nước trong sông nọ dẫn đeo cau mặt cũng biết cảm cuộc đời biến cải, bày lăm trò bãi bề nương dâu.

Câu 7, 8, tác-giả mới kết lại cái ý cảm khái của mình mà nói: đẩy cái gương cũ ngàn năm, nên, hư, được, hỏng, đề từ xưa đến nay soi mãi đời đời, khiến người trông cảnh mà luống buồn rầu đứt ruột.



Phê bình. — Bài thơ này hay về cái ý tứ rất là thâm trầm, như câu 1, 2, đọc lên những tiếng « gây chi », tiếng « đã mấy » chan chứa cái tình cảm-khái biết bao ! Câu 3, 4, đem tiếng « làn thu thảo » mà đề dưới tiếng « Lối xưa xe ngựa », đem tiếng « bóng tịch dương » mà đề dưới tiếng « chốn cũ lâu đài » khiến người đọc như trông thấy một bức vẽ tiêu-diêu thảm đạm. Câu 5, 6, kể đến « đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt » thì thấy cuộc đời thay đổi không thường đáng buồn đáng chán bao nhiêu ! lại « nước còn cau mặt với tang thương » thì người đời đối với những cuộc đời thay đổi cùng cau mặt đến đâu ! ý tứ thâm trầm như thế thật là hay.

Đến cái lời văn điêu luyện trong bài thơ này lại càng hay lắm. Những tiếng như tiếng « chi » đặt dưới chữ « gây », tiếng « mấy » đặt trên tiếng « tình sương » thật là khéo dùng mà cực luyện. Câu 3, 4 không phải dùng một chữ đưa đầy nào, chỉ dùng chữ « xưa » chữ « cũ » chữ « làn » chữ « bóng » mà cái ý xưa thế nay thế tự nhiên thấy rõ ràng. Câu 5, 6 thì lại khéo dùng những chữ đưa đầy như chữ « vẫn » chữ « cùng » chữ « còn » chữ « với » mà nảy ra ý hoài cổ vô cùng. Câu 7, 8 kết lại cái ý người trông cảnh sinh buồn mà khéo dùng tiếng « gương » tiếng « soi » tiếng « ấy » tiếng « đẩy » khiến cho câu thơ hóa ra linh động. Lời văn thật là điêu luyện.

T.

CHINH - PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP - VĂN

(Tiếp theo số 4)

177. — Trãi mấy xuân, tin đi, tin lại,
Tới xuân này, tin hãy vắng không.
Thấy nhận, lưỡng tưởng thư phong,
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.

181. — Gió tây nổi, không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trường tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.

Pendant les dernières années, j'ai souvent reçu de vos nouvelles, mais cette année, elles ne me parviennent pas encore. A la vue de l'hirondelle messagère, je songe sans cesse à vos lettres. Au bruit de la rosée qui annonce les premiers froids, je confectionne pour vous des robes ouatées.

Voici le vent de l'Ouest qui souffle : je voudrais vous écrire, mais je ne sais par quelle voie vous envoyer ma missive. Je plains celui qui, dans les régions lointaines, s'expose à la pluie et à la neige. La pluie mouille votre moustiquaire, la neige recouvre votre rideau. Qu'il doit souffrir du froid celui qui s'aventure dans les régions lointaines !

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN-TOÀN

(Suite)

177. — Durant plusieurs printemps (1), (les) nouvelles (sont) parties, (les) nouvelles (sont) venues.

Arrive (ce) printemps ci : (les) nouvelles encore manquent [*lit* : absentes, vides]

(Quand je) vois (des) hirondelles (2), sans cesse (je) songe (à vos) lettres ;

(Quand j') entends (le bruit de la) rosée, (je) prépare (des) robes ouatées toutes prêtes.

181. — (Voici le) vent (de l'Ouest (qui) se lève : (je) ne (sais par quelle) voie (vous) faire parvenir ma lettre [*lit* : profiter (du départ d'une) oie sauvage (3)].

(Je) plains (celui qui est dans les) régions extérieures (que la) neige recouvre (et où la) pluie tombe.

(Votre) moustiquaire (est mouillée par la) pluie : (votre) rideau (est recouvert de) neige ; (vous êtes) exposé (à toutes ces intempéries).

Vraiment (doit souffrir) davantage (du) froid celui (qui est) parti (pour les) régions extérieures.

1) Printemps ici est mis pour année.

2) Allusion à l'hirondelle messagère qui avait apporté à l'Empereur Vū-dế (Ou-ti) des Hán les nouvelles de Tô-Vū (Sou-Ou), prisonnier chez les Hung-nô (Huns).

3) Hông, oie sauvage, est un oiseau messenger. Profiter du départ d'une oie sauvage, c'est envoyer une lettre.

185. — Đề chữ gấm, phong thổi lại mở,
Gieo bói tiền, tin dở còn ngờ.
Trời hôm tựa bóng (cửa) ngằn ngo,
Trăng khuya nương gối bờ phờ tóc mai.
189. — Há như ai hồn say bóng lẫn (lần),
Bồng thơ-thơ thần-thần như không.
Trâm cài, xiêm giắt then thùng,
Lệch vừng tóc rối lỏng vòng lưng eo.
193. — Đạo hiên vắng, thăm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa, rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thướt chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chẳng.
197. — Đèn có biết nhường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương !

J'ai brodé sur du brocard ma supplique à l'Empereur, mais j'hésite toujours à l'envoyer. J'ai consulté le sort au moyen des sapèques, mais je reste perplexe après y avoir cru à moitié. Le soir, lorsque le ciel s'assombrit, je m'appuie contre la porte, toute pensive. La nuit, alors que la lune décline à l'horizon, je m'accoude sur mon oreiller, les cheveux en désordre.

Je n'ai pas, comme quiconque, l'âme enivrée et l'esprit aberré, et pourtant, par moments, je suis toute troublée et toute hébétée comme si je perdais la notion des choses. Je n'ai même pas le courage d'épingler mes cheveux et de ceinturer mon jupon et je laisse ma chevelure en désordre et ma ceinture desserrée autour de mon corps amaigri.

Toute seule, je fais résonner lourdement mes pas le long de la véranda déserte. Ennuyée, je lève et baisse tour à tour le store espacé. A l'extérieur du store, je ne vois pas de moineau messenger qui annonce la bonne nouvelle. A l'intérieur du store, je ne sais si la lampe se rend compte de mes malheurs. Que la lampe le sache ou ne le sache pas, mon cœur souffre toujours atrocement. Je suis triste jusqu'à ne pas pouvoir proférer de paroles. Je regarde tour à tour la flamme de la lampe et l'ombre de ma personne et ma douleur augmente.

185. — (Après avoir) inscrit (des) caractères (sur un) brocard (1), (je l') enveloppe puis de nouveau (je l') ouvre.

(Après avoir) jeté, (pour) consulter le sort, (des) sapèques, (je n'y) crois (qu') à moitié (et j'en) doute toujours.

(Quand le) ciel s'assombrit, (je) m'appuie (contre la) porte, toute hébétée ;

(Quand la) lune décline [*lit.* : tardive], (je) m'accoude (sur mon) oreiller, (laissant) en désordre (les) cheveux des tempes.

189. — Est-ce que (je suis) comme quiconque (ayant l')âme envirée (et l')esprit (*lit.* : ombre) aberré ?

(Et pourtant) tout-à-coup (je suis) toute troublée, toute hébétée comme (si je ne percevais) plus rien.

(A) épingle (mes cheveux et à) ceinturer mon pantalon, (j'éprouve une certaine) honte,

(Et je laisse) déplacée (ma) chevelure en désordre, (et) desserrée (la) ceinture (autour de mon) corps [*lit.* : dos] amaigri.

193. — (Quand je) marche (le long de la) véranda déserte, (dans le) silence, tombe lourdement chacun (de mes) pas ;

Dehors, (le) store espacé se baisse et se lève plusieurs fois.

(Au) dehors (du) store, (le) moineau n'annonce pas (la bonne) nouvelle ;

(Au) dedans (du) store, peut-être y a-t-il déjà (la) lampe (qui) se rend compte (de mes malheurs) ?

197. — (Que la) lampe (le) sache ou bien ne le sache pas :

Mon cœur intérieurement souffre atrocément seulement.

(Je suis) triste (jusqu'à) ne pas pouvoir prononcer (de) paroles :

(La) fleur (de la) lampe là avec (l')ombre (de la) personne-ci (sont) bien à plaindre !

(à suivre)

1) Allusion au brocard sur lequel Hâu-thị avait brodé le texte d'une poésie adressée à l'Empereur pour lui demander la libération de son époux Trương-quỹ retenu pendant longtemps dans une garnison lointaine.

KHÓC LÂM - TỬ - NƯƠNG

Trần-tuấn-Khải dịch nôm

LỜI DẪN. — Bền Tàu đời trước, có một vị Vương trước, ở đất Thanh-châu, gọi là Hằng-vương. Hằng-vương tính ưa gái đẹp, và lúc thông thả việc quan lại hay ham chơi võ nghệ, nhân chọn một tụi gái đẹp dạy cho các ngón cung đao và thường bắt luyện theo trận pháp. Trong đám gái đẹp, có một người sắc sảo phần hơn, tên là Lâm Tử-nương, Hằng-vương rất lòng yêu mến, cho làm một người đứng đầu, coi đám nữ quân, gọi là Ngụy-hoạch tướng quân (viên tướng đẹp) Tử-nương tư chất thông minh, giỏi nghề kỵ xạ, ngày thường vô sự, lại thao diễn nữ binh, chẳng khác một viên tướng giỏi.

Năm sau tại miền Sơn-đông có giặc nổi lên, quấy nhiễu dân gian rất điều lợi hại, quan quân bản hạt đánh giặc không xong. Tin ấy báo đến Hằng-Vương, Hằng-vương nổi giận đem quân đi đánh. Bắt đồ Hằng-vương cậy mình tài giỏi, coi giặc như thường, nên nổi mắc mưu quân giặc, bỏ thân ở giữa trận - tiền. Các quan văn võ trong thành Thanh-châu nghe thấy tin ấy, ai nấy đều mong sống thoát lấy thân, liền rập riu bàn xuống đầu quân giặc.

Lâm Tử-nương biết tin Hằng-vương bị chết, bèn họp đám nữ quân, rân rân nước mắt mà rằng : « Chị em chúng ta ai cũng đội ơn nhà Vương khi trước, chưa từng đền báo chút chi. Nay đại-vương chẳng may thất thế trận tiền, ta định quyết vì đại-vương báo thù giết giặc, cùng theo đại - vương cho đến suốt vàng. Vậy trong đám chị em, ai theo ta thì cùng đi, bằng không thì xin tùy tiện giải tán từ nay. »

Bọn nữ-binh nghe nói đều vâng lời đi theo. Lâm Tử-nương liền thống lĩnh nữ binh, phát cờ ra lệnh, lập tức ra thành, xông vào trận giặc, chém giết rất hăng, quân giặc chết hại không biết bao nhiêu mà kể. Mãi sau, thế giặc càng to, nữ quân không người cứu-viện, bị quân giặc vây bọc một nơi, giết hết mọi người, không còn một ai sống sót. Bài văn khóc sau này là của Giả-Bảo-ngọc, trích trong bộ Thạch-đầu-ký :

BẢN DỊCH HÁN

Sắt-sá thời văn khâu thiết hương
 Điện mâu tuyết kiếm kiều nan cử
 Đinh-hương kết tử, phù-dung điều
 Bất hệ minh châu, hệ bảo đao
 Chiến bài ra lan tâm lực khiếp,
 Chi ngân phẫn tích ô giao tiêu,
 Minh niên lưu khâu tẩu Sơn-
 đông.
 Cường thôn hồ báo thể như
 phong.
 Vương suất thiên binh như tiêu rìet,
 Nhất chiến, tái chiến, bất thành
 công.
 Tinh phong xuy chiết lũng đầu
 mạch,
 Nhật chiếu tinh kỳ hồ trưởng
 không.
 Thanh sơn tịch tịch, thủy tề tề,
 Chính thị Hằng vương chiến tử thi,
 Vũ lâm bạch cốt, huyết nhiễm
 thảo,
 Nguyệt lãnh, hoàng hôn quỉ thủ
 thi.
 Phân phân tướng sĩ chỉ bảo thân
 Thanh châu nhữn kiến giai hồng
 trần.
 Bất kỳ trung nghĩa minh khuê các
 Phần khởi Hằng vương đặc ý
 nhân.

BẢN DỊCH NÔM

Miệng thét mùi hương bay sức
 nước,
 Gáo điện, gươm tuyết, như thần-
 tiên.
 Đai xiêm giăng dấp coi rìu ràng,
 Đeo thanh gươm báu thay ngọc
 vàng.
 Những lúc canh khuya luyện tập
 mệt,
 Mồ hôi hoen vốc pha màu hương.
 Năm sau giặc nổi miền Sơn-đông:
 Hùm beo gặm hết như đàn ong.
 Hằng vương đem quân muốn càn
 giết.
 Một trận, hai trận chẳng nên công,
 Gió tanh thổi gãy lúa trên ngàn,
 Cờ quạt ngơ ngác, trưởng hồ-tan,
 Non xanh lặng lẽ, nước cuộn xoay.
 Chính lúc Hằng-vương chết trận
 đây.
 Mưa dầm xương trắng, máu
 nhuộm cỏ,
 Trời hôm, trăng lạnh, quỉ ôm
 thây.
 Tướng sĩ bo bo giữ lấy mình,
 Bụi hồng mờ mịt khắp châu
 Thanh.
 Ai hay buông the có trung nghĩa,
 Việc ngoài động đến người mắt
 xanh.

Hằng vương, đặc ý sỏ thù, hàng,
 Ngụy hoạch tướng quân Lâm Tứ
 nương :

Hiệu lệnh tần cơ, khu triệu nữ)
 Nùng đào riêm lý lâm cương
 trường.

Tú yên hữu lệ xuân sâu trọng,
 Thiết giáp vô thanh gia khí lương
 Thăng phụ tự nan tiên dự định

Thệ minh sinh tử báo tiền vương.
 Tặc thế xướng quệ bất khả địch,

Chiết liễu tàn hoa huyết ngưng
 bích,

Mã tiên nhân chi cốt tử hương,
 Hồn y thành quách, gia hương
 cách.

Tinh trì thời báo nhập kinh si
 Thù gia nhi nữ bất thương bi.
 Thiên tử kinh hoàng sâu thất thủ

Thử thời văn võ giai thủ thù.
 Hà sự văn võ lập triều cương
 Bất cập khuê trung Lâm Tứ nương
 Ngã vị Tứ nương trường thán tức
 Ca thành dự ý thượng bàng hoàng!
 Hằng vương hiếu vũ, kiêm hiếu
 sắc,

Toại giáo mỹ-nữ tập xạ rặc.
 Nùng trang, riêm vũ, bất thành
 ca

Liệt trận văn qua, vi tự đặc,

Nhơn tiền bất kiến trần-sa khi,
 Tướng quân tiểu ảnh hồng đăng lí.

Hỏi người mắt xanh ai xót-thương?
 Chính bà tướng gái Lâm-Tứ-nương

Truyền lệnh chị em phát khăn yếm
 Đào tươi liễu tốt ra nhung-trường.

Đem thù xuân vắng lệ sâu rơi,
 Lạnh lòng giáp sắt im tăm hơi.
 Được thua đã đành khó định
 trước,

Chỉ thế sống chết báo đền ai.
 Thế giặc hung hăng khôn chống
 chọi,

Liều gãy, hoa tàn, hàng máu gội,

Móng ngựa xéo tan màu phấn son,
 Hồn gửi thành quách ai thăm hỏi!

Một phen tin báo tới kinh - đô,
 Biết bao bạn gái vì cay chua.
 Thiên-tử buồn nổi thành quách
 mất,

Các hàng văn võ đều ngần ngại.
 Than ôi! văn võ vì non sông,
 Có ai bằng gái họ Lâm không?
 Ta vì họ Lâm luống thương cảm,
 Viết xong khúc hát vẫn mơ-mòng!
 Hằng - vương thích sắc, lại thích
 võ.

Dạy cho gái đẹp tập cung nỏ,
 Bỏ lối múa hát dịu dàng xưa

Bầy trận, vung gươm, làm chuyện
 thú,

Không thấy trước mắt cát bụi bay,
 dưới đèn đương mãi cười đùa say!

. BÌNH LUẬN SÁCH MỚI.

QUYỀN KIỀU-VĂN TẬP-THÀNH

của ông *Phó - Bảng Nguyễn Cư* (1)

Văn-chương nước ta đến quyền **Kiều** thật đáng kể là một trang kiệt-tác ; trong **3254** câu lục bát, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu, nào là tả tình, ngụ ý, thuyết lý, bình phẩm nhân vật, phô tự phong cảnh không thiếu cái gì, thật là một cái kho tài-liệu cho các nhà làm văn ta lấy không bao giờ cùng, dùng không bao giờ hết.

Mà cái nghề làm văn thế nào lại chẳng phải cần đến tài - liệu tuy cái tài cấu-tạo là tự ở linh tâm tuệ - nhãn của các nhà làm văn, nhưng đến lúc luyện chữ rũa câu thì rất phải cần đến những câu đã rũa sẵn, những chữ đã luyện sẵn của các danh văn đời xưa mà lược nhặt lấy, phô bày ra để cho đạt được cái văn từ của mình thì mới thành văn-chương được. Ở những nước người ta, văn - chương đã phong phú, các danh văn đời xưa kể

hàng thiên kinh vạn quyển, người ta gom góp biên chép ra nào là văn tập, văn khố, từ điển, từ-nguyên, đó toàn là những văn liệu rất quý báu cho các nhà làm văn, rất tiện dùng mà rất có ích. Một cái nước văn-học còn ấu-trĩ như nước mình thì một quyển « **Kiều** » cũng đã kể ra là một cái kho văn liệu rất quý báu cho các nhà văn ta ai cũng cần phải dùng hết cách mà gom góp biên chép lấy cái kho văn liệu ấy thế nào cho các nhà làm văn ta cũng được tiện dùng mà có ích. Đương buổi cái lâu đài quốc văn ta mới bắt đầu gây dựng, một viên gạch, một mảnh gỗ, một miếng sắt nào có thể dùng vô việc gây dựng đó, ta đều nên nhặt nhanh, nên thu xếp để vừa việc cho kẻ dùng ; cái kho văn liệu quý báu như quyền « **Kiều** » ta mà biết khéo nhặt nhanh, khéo thu vén được thì biết có bao nhiêu là gạch,

(1) Trung Hưng thư quán Huế xuất bản, giá bán 0\$60.

là gỗ, là sắt dùng để gây dựng nên cái lâu đài quốc văn ta chóng đến ngày thành lập.

Ông phó-bảng NGUYỄN-ĐĂNG-CU hiện đương chủ trương viện Cổ-học ở Huế là một người rất nhiệt thành với quốc-văn. Ông vì một cái mục đích nói trên đó mà soạn ra quyển “*Kiều-văn tập thành*” này tức cũng là một cách khéo nhất nhanh, khéo thu xếp những tài liệu rất quý báu trong cái kho văn liệu “*Kiều*” để góp vào cái công trình gây dựng lâu đài quốc văn ta vậy.

Như lời trong bài tiểu-dẫn của ông đã nói, cái thể tài văn tập *Kiều* của ta cũng như cái thể tài văn tập cổ của Hán-văn, là dùng nguyên - văn các câu lục cùng các câu bát trong “*Kiều*”, đem câu nọ nối lại với câu kia đúng theo một ý nghĩa và lần lượt nối văn với nhau, như một bài văn lục bát mới.

Lối văn ấy của ta thịnh hành đã lâu nghe cũng hay mà cũng rất

có thú. Nay có quyển “*Kiều-văn tập-thành*” của ông, các cách sắp đặt câu khôn khéo kỹ lưỡng, như trong bài tiểu-dẫn ông đã kê rõ ràng khiến cho các nhà văn làm lối văn ấy được rất giản tiện dễ-dàng, thật giúp ích cho lối văn ấy của ta ngày thêm phát đạt vậy.

Vả như trên đã nói: Quyển “*Kiều*” là một cái kho văn-liệu rất giàu đủ cho các nhà văn ta. Nay có quyển “*Kiều-văn tập thành*” của ông giúp thêm hứng thú cho các nhà văn ta năng nghiên ngấm đến văn “*Kiều*”, rồi càng ngày càng có nhiều người cầm bút biết khéo dùng biết khéo lấy những văn liệu quý báu trong “*Kiều*” mà tô điểm cho quốc-văn ta càng ngày càng đẹp; chẳng những là một lối văn tập *Kiều* phát đạt mà các lối văn khác của ta cũng đều phát đạt thêm lên. Như thế thì cái công của soạn giả quyển sách này đối với quốc văn cũng không phải là nhỏ vậy.

Văn-Học Tập-Chí



Ô
rất
lân
nay
thầy
Loa
bây
bun
qua
cho
khi
thì
ma
ngay
—
đi v
sẽ c
chỗ
N
vào
lên
chữ
bướ
nhu
có

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VĂN.

ĐÓI MỜI THƯƠNG CỤ

Ông Cao Bá Quát là một người rất hay chữ, chỉ vì công danh lận đận nên phải đi lang thang nay đây mai đó (1). Một ngày kia, thầy trò ông đi qua huyện Siêu Loai (tức là phủ Thuận Thành bây giờ), giờ tối, tiền lại hết mà bụng thì đói, bàn tính loanh quanh không biết nghĩ cách nào cho có cơm ăn và nơi chợ. Trong khi thầy trò đang gập lúc cùng thì bỗng có tiếng kèn trống đám ma từ xa đưa lại, ông Quát bảo ngay đây tớ rằng :

— « Được rồi, con cứ theo thầy đi vào trong xóm kia, thầy trò ta sẽ được cơm no rượu say và chỗ ngủ tươm, con ạ ».

Nói rồi hai thầy trò giắt nhau vào làng tìm đến nhà đám, nhìn lên linh sàng thấy có treo bốn chữ « Hồ sơn vân ám ». Ông Quát bước vào sừng sính khăn áo, như cách người đi viếng. Thấy có khách đến, ông hiệu-chủ chạy

ra chào đón. Ông Quát đến trước linh tọa cung kính mà thưa rằng :

— Chúng tôi là học trò nghèo trong hàng huyện nghe nói cụ ông mới hai năm mươi gọi là có mấy chữ sang viếng cụ.

Ông hiệu-chủ chưa kịp giả nhời thì ở trên một cái giường kê gần đấy, ngất ngưỡng có mấy ông ra giáng đạo mạo vào mặt văn thân trong hạt, gọi ngay ông Quát mà bảo rằng :

— Ủ, nhà thầy đã tự xưng mình là học trò nghèo, có câu đối viếng thì đọc lên, nếu còn kém chúng ta đây phủ-chính cho.

Ông Quát khúm núm dạ, rồi lấy hai tay trước linh tọa và ứng khẩu đọc rằng :

*Thấy xe thiên-cổ xịch đưa ra,
không thân thích nhẽ đâu mà
khóc mướn.*

*Cái sự trăm năm đừng nghĩ
lại, não can-tràng nên mới phải
thương vay.*

1) Xem bài thân thể và văn chương hai ông họ Cao đã đăng ở Văn Học số 5, và 6.

Các ông văn-thân ngồi trên giường nghe câu đối choáng cả người sẽ bảo nhau rằng: «khẩu khí này lại thẳng Quát mất rồi» Bàn thế rồi đều chut xuống giường, chạy ra trèo kéo mời ông ngồi trên, gạn hỏi mãi, đến chừng ông Quát nói thực ông nào ông ấy sợ quá cứ xin lỗi mãi, rồi hò nhà chủ gịon cỗ nhất để ông soi.

Thế là thầy trò ông Quát được bữa no.

X

ĐỀ TAM-BẢO

Gần làng ông Quát, có một ngôi chùa đẹp mới làm xong, ngôi Tam bảo cực kỳ hoa mỹ. Thường thì trên Tam bảo hay viết ba chữ «Pháp phát tạng» nhưng sư-cụ trụ trì hồi ấy lại là người sinh văn tự. Cụ sai chú tiểu vào làng Phú-Thụy tìm ông Quát, khi ông vào chùa, trè nước xong, sư-cụ ngỏ ý xin ba chữ biển hoành đề Tam

bảo. Ông Quát chẳng nghĩ ngợi gì lấy bút đại tự viết ba chữ «Thiên nhân sư» (天人師) rất lốt. Cả chùa từ sư cụ cho đến chú tiểu bé không ai hiểu nghĩa là gì và không biết chữ ấy lấy ở sách nào.

Nhưng đã xin rồi cứ khắc, có kẻ đàn viết hàng huyện đến chùa lễ bái thấy chữ ấy thì mỉm cười mà bảo sư cụ rằng: «Đây là ông Quát «rửa» sư đây; sư-cụ tức lắm đã toan hủy ba chữ ấy đi.

Về sau có một nhà văn sĩ đi qua, sư-cụ hỏi nghĩa ba chữ ấy, nhà văn sĩ kia liền giảng rằng: Ba chữ này ông Quát có ý tức cảnh Tam bảo, vì ở Tam bảo trên thì có «Phật» mà dưới chỉ có «Sư», chữ «nhân» (人) mà chắp mấy thiên (天) là chữ Phật (𡗗) tóm lại thành hai chữ Phật (𡗗) Sư (師).

Nhưng vị tất đã là nghĩa của ông Quát.

TIÊN-ĐÀM thuật

GIẢI THƯỞNG VĂN - HỌC

MỘT GIẢI 300 ĐỒNG — MỘT GIẢI 150 ĐỒNG

Nào ai là nhà văn?

Nào ai là người nhiệt thành với quốc-văn?

Hãy xem thẻ lệ đã đăng ở Văn-Học số 5

tin tức 。TRONG LÀNG VĂN。

Một đảng hội Khai tri-tiến-đức vừa mở tiệc mừng ông Phạm-Quỳnh, chủ bút Nam-Phong, được đặc ân một bước lên bậc Thượng-thư, thì một bên trường học Hồng-Bàng mở lớp Quốc-văn bình-giảng, mời ông Nguyễn-khắc-Hiếu, chủ bút An-nam tạp-chí đến giảng mỗi tối thứ bảy trong tuần lễ. Ông Quỳnh và ông Hiếu đều là nhà văn-sĩ trứ danh trong buổi quốc văn phôi thai; duy hơi khác nhau là ông Quỳnh là nhà-văn sĩ uyên bác quốc văn và Pháp văn, mà ông Hiếu thì quốc-văn với Hán-văn. Hai ông đều có tạp-chí xuất bản, mà tạp chí ông Quỳnh sống luôn luôn trong khoảng mười mấy năm nay; còn tạp chí ông Hiếu, chết đi sống lại mấy lần. Thế mà ông vẫn cố công đeo đẳng, tối hôm thứ bảy 5 Novembre vừa rồi là buổi bắt đầu ông đến trường, trước mặt thính-giả, ông còn tuyên bố rằng: « Việc xuất bản tạp chí của ông là việc chính, mà việc ông đến giảng quốc văn ở trường là việc phụ ». Khen cho cái chí bền của ông, là cái chí tốt của phần nhiều mấy bậc danh nho (1) ta hồi xưa; và chúc cho An-nam tạp-chí của ông trường thọ, để khỏi phụ câu tục ngữ: có chí thì nên,

Tôi ở trong Văn-học tạp-chí, thấy trường Hồng-Bàng mở lớp quốc-văn bình-giảng, hợp với mục đích tạp chí chúng tôi, nên tối hôm sơ giảng, tôi có đến dự thính. Về bài văn cảm thu đăng dưới đây, ông Hiếu bình hôm ấy, thì ông Hiếu đã giảng giải rứt kỹ càng, bắt tất tôi phải nhắc lại đây. tôi chỉ xin nói qua cái cảm tưởng của tôi đối với cuộc giảng văn ấy thế nào.

1) Dùng chữ danh nho chỗ này nghe thanh lịch và văn tất; chứ nếu dùng cả tiếng ta mà nói là người biết chữ nho có tiếng thì câu đã dài, lại không được hay. Ấy đại khái nên dùng chữ nho là thế đó.

Thoạt đầu ông Leuret, đốc học trường Hồng - Bàng nói ông là thầy gây pháp-văn trong trường, nay đến giới thiệu (2) một ông giảng quốc-văn, là cốt cho cái cảm tình Pháp-Việt đề huề ngày một hơn lên, và muốn cho quốc-văn Nam - việt một ngày kia cũng hay, cũng đủ bằng pháp văn. Câu nói đó đáng cho ta chú ý, mà cùng nhau gắng sức bồi bổ cho quốc-văn, thành một nền văn-chương có giá-trị.

Ông Leuret nói xong, đến lượt ông Hiếu. Ông bình, ông giảng một cách rút tự nhiên, thuỳnh thoảng ông lại pha cười, làm cho thính-giả vui luôn, cũng là lối bình giảng mới của ông; mỗi câu thơ ông bình, ông đều cắt nghĩa những chữ nho dùng vào quốc-văn cho hay, và ông giải thích những điển tích rõ ràng, thật là lớp bình giảng rút có ích cho những người thích quốc-văn. Văn ta cần có chữ nho, cũng như văn Tây cần có chữ Latin; nhưng ta cũng nên dùng những chữ cần phải dùng và đề những chỗ đáng phải đề, chớ nên dùng nhiều chữ nho quá, làm cho người xem khó hiểu. Văn ta, tiếng ta, đã thuỳnh thoảng phải dùng chữ nho, thì ta nên hết sức kiếm chữ nho thay vào những chữ ta thiếu, mà chớ nên dùng chữ ngoại-quốc nào khác, lộn vào những chữ không cần phải dùng, hay có thể tránh được. như khi ông Hiếu giảng cách làm văn, ông có pha mấy tiếng Tây. vào những tiếng không cần phải dùng tiếng Tây. Tôi vẫn biết ông nói mấy tiếng đó, cốt cho thính giả, phần nhiều biết chữ tây, dễ hiểu ngay; nhưng tiếc ông không cứ dùng tiếng ta, hay dùng luôn chữ nho thay vào mấy tiếng thay đó, rồi ông giảng nghĩa thêm, thì thính giả cũng hiểu, và mới hợp với mục-đích trường Hồng-Bàng mở ra lớp quốc-văn bình-giảng.

DƯƠNG - VĂN - TÝ.

2) Giới thiệu là chữ nho phải cần dùng cho tiếng ta; chứ không thì phải nói là: tôi là gì, quen của các ông, mà ông này không quen, nay tôi dẫn ông quen tôi đến để các ông biết, như thế đã giải lại mất sự hay.

BÀI VĂN CỦA ÔNG HIẾU ĐEM BÌNH GIẢNG

CẢM THU TIỀN THU

Từ vào thu đến nay,
Gió thu hiu - hắt,
Sương thu lạnh,
Giăng thu bạch,
Khói thu sây thành,
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,
Sông thu đưa lá bao ngành biệt-ly.
Nhạn về, én lại bay đi,
Đêm thu vượn hót ngày thì ve ngâm,
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt ngọc âm thầm khóc hoa,
Sắc đâu nhuộm ố quan-hà,
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà-đương.
Nào người cố-lý tha hương
Cảm thu, ai có tư-lường hỡi ai ?
Nào những ai,
Bầy thước thân nam-tử,
Bốn bề chí tang - bồng ;
Đường mây chưa bằng cánh hồng,
Tiêu-ma tuế nguyệt, ngại ngừng tu my.
Nào những ai ?
Sinh trưởng nơi khuê - các,
Khuya sớm phận nữ-nhi,
Song the ngày tháng thoi đi,
Vương tơ ngắm rện, nhớ thi thương hoa.
Nào những ai,
Tha-phương khách thổ,
Hải-giác thiên-nha,
Ruột tằm héo, tóc sương pha,

Gốc phần chạnh tưởng quê nhà đòi con.

Nào những ai,

Cù lao báo đức,

Sinh dưỡng đền ơn,

Kinh sương nghĩ nổi mền đơn,

Giàu sang bất nghĩa mà hơn nghèo hèn.

Nào những ai,

Tóc xanh mây cuốn,

Má đỏ huê ghen,

Làng chơi duyên đã hết duyên,

Khúc sông giăng rãi con thuyền chơi vơi.

Nào những ai,

Dọc ngang giới rộng,

Vùng vẫy bề khơi,

Đội giới đạp đất ở đời,

Sa cơ thất thế quê người chiếc thân.

Nào những ai,

Kê vòng tỉnh mộng,

Tóc bạc thương thân ;

Vèo trông lá rụng đầy sân,

Công danh phù - thế có ngàn ấy thôi.

Thôi ughĩ cho,

Thu tự giới,

Cảm tự người,

Người đời ai cảm ta không biết,

Ta cảm thay ai, viết mấy lời.

Thôi thời.

Cùng thu tạm biết,

Thu hãy tạm lui,

Chi đề khách đa tình đa cảm,

Một mình thay cảm những ai ai.

TẢN - ĐÀ

VĂN THƠ

THƠ - VĂN CỔ

Thảo - trang thi - tập

Tập thơ chúng tôi đăng sau đây là di mặc của cụ Cố An-Sát-sứ Lê-đại-nhân, ông Ngô Chi-Lê Năng-Cảnh (là con giai ngài) cho phép sao lục, vậy chúng tôi xin kính tạ tấm lòng của ông đã vì quốc-văn mà cho xem một cái gia-bảo. Trước khi đăng văn thơ, chúng tôi xin nhắc lại cái tiểu-sử của tác-giả để cho rộng thêm phần khảo cứu.

Tiên-sinh họ Lê húy là Lượng-thề, hiệu là Thảo-trang, người Giáp-Tiểu hạ, huyện Thọ-xương tỉnh Hà-nội (tức là ngõ Phất-lộc thành phố Hà-nội) — Tục danh là quan An Hào. Ngài sinh năm Mậu-thìn (1847), thi hương đỗ cử-nhân khoa Mậu-ti, làm đến Thái-nguyên án-sát-sứ, về sau đau mắt, phải cáo về, lập biệt thự ở Thái-hà ấp, thường làm bạn với cụ Thái-Xuyên Hoàng tương-công, lấy xướng họa dịch thuật làm vui.

Tiên-sinh thọ 73 tuổi, hiện nay con cháu rất nhiều.

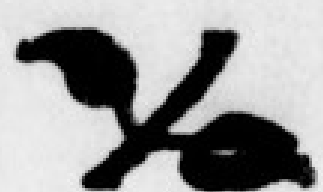
T. D.

= × =

Mồng bốn tháng tư không mưa

Sấm chớp đi đâu để nắng hè,
Tháng tư mồng bốn cá ăn thề.
Mấy từng cửa Vũ rồng chưa hóa,
Một giải sông Ngân nước vẫn be.

Chập tối giăng liềm ba mặt khuyết,
 Rạng đông sao chổi bốn đuôi xòe (1).
 Bề nam chằm chép đương vùng vẫy (2),
 May được mưa chẳng đỡ ướt sề (3).



Họa bài của quan Tuần vịnh cảnh đường rừng người đi đêm

NGUYỄN VĂN —

Tối um um — trống điểm thum — giăng lum khum —
 có nhẽ hùm — quán tùm hum.

(Ngài bịa ra một cảnh thế để buộc vận cho khó họa).

(Chú-thích của tác-giả)

Bài họa

Giời hôm như mực cỏ xanh um,
 Kẽm chống đầu dây bước đánh thum;
 Ven núi chẳng nề cao với thấp,
 Qua cầu đếch biết thẳng hay khum.
 Đường mây ngọn gió đôi đàn vạc,
 Móng đá, chân sim, một giầu hùm.
 Sức thức đêm khuya thương kẻ lạnh,
 Mản, chần, đệm ấm hùm hùm hum.



1) Ấy là năm Canh-tuất có sao chổi mọc ở phương Đông.

2) Trong Kinh đang thi hội.

3) Tục ngữ nói ướt sề hơn về không, vậy nói thi đấu đỡ được kỳ nào cũng còn hơn không đỡ.

(Chú thích của tác-giả)

Hựu thể (bài nữa)

Khuya khoắt đường rừng cỏ tối um,
Đá dàu quăng xuống suối thì thùm ;
Bương dè mặt sóng lưng cầu vẹo,
Cỏ lợp sườn non cột quán khum ;
Hót gió chẳng hề nghe tiếng vượn,
Uớt xương khéo chượt phải chân hùm,
Đi đâu mò mẫm đêm khuya với ?
Chờ bóng giời lên ăm hùm hum.

TIÊN-ĐÀM sao lục



Kỳ này vì nhiều bài quá nên Tiểu - thuyết
Hoa-Lư Kết-Nghĩa kỳ sau mới đăng tiếp. Mong
các độc-giả lượng biết.



(NÀ THOÔNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

Hai năm trời nay, anh ta làm ở nhà ông chánh Quan. Vì có sức-lực hơn người lại rất siêng-năng công việc, nên ông chủ bà chủ bằng lòng lắm, đã hứa cho anh nhờ vả về sau. Anh ta thì vì một nỗi riêng nên cũng ừ-ào ở đấy, rồi sau tự nhiên thành thân mật với Mai-Dung. Hai người làm gì thường cùng làm. Ra đồng, nếu anh bừa thì cô cấy, anh phát cỏ thì cô cuốc bờ; ở nhà, nếu anh giã gạo thì cô dần sàng, anh đi rừng lấy chuối lợn, thì cô cũng đi rừng tìm vỏ nhắt nâu; càng lâu càng hiểu tính nết nhau, hai người càng quý mến nhau, coi như một đôi bạn thân, mà tiếng

cười câu truyện, vắng nhau đã lấy làm buồn. Cái tình bè bạn ấy rồi sau đưa dần hai người vào vòng tình-ái, chỉ có một điều là Bạch - Hùng còn vướng chút việc riêng nên anh yêu Mai-Dung mà thực ra anh chưa lúc nào được tự biết nỗi lòng mình. Mỗi buổi chiều hôm ấy, anh mở mắt nhìn rõ cái tình u ầu ấy ở trong trái tim; thì xem ý Mai - Dung, tấm lòng cô có lẽ cùng với lòng anh đập chung một dịp. Mai-Dung yêu anh! Điều đó đáng nhẽ anh lấy làm tự cao và phải coi mình là sung-xương nhất đời. Trái lại, nó chỉ khiến cho lòng anh đau khổ vô cùng. Thà Mai-

Dung ghét bỏ anh, khinh bỉ anh để cho cái lòng yêu ngằm yêu vụng kia cứ bị vùi sâu chôn chặt, như thể tưởng còn hơn. Anh nghĩ cái thân-phận một kẻ tha hương không tộc thuộc, không địa vị lại không cả tiền của như anh, thì dù cô có đoái lòng bỏ rơi cho anh chút tình yêu chẳng nữa, bất quá chỉ thêm cho lòng anh một sự khát khao vô vọng. Mai-Dung yêu anh nhưng đời cô còn là của riêng của cha mẹ. Bây giờ cô yêu anh, nhưng một ngày kia cô sẽ bị bắt buộc bỏ anh trơ trọi với sự tuyệt-vọng giết người. Biết đâu, nếu cô yêu anh mà cha mẹ cô không thuận thì hai người đem nhau đi trốn là song. Không thể được. Anh không bao giờ có cái ý nghĩ ấy. Thà đời anh hoàn-toàn chịu thiệt, còn hơn sử dụng một cách điên-rồ như thế. Yêu nhau cách ấy, theo ý anh, có khác gì rúi nhau xuống vũng bùn nhơ. Sau hết, lại còn một lẽ này: phỏng-thử cha mẹ cô không có những thành kiến thiên-lệch, cũng đem lòng thương anh mà cho hai người được yêu nhau, nhưng đời anh, anh chẳng còn có quyền được sử dụng. Đời anh đã thuộc về sự báo thù cho cha, như nhời anh đã-hứa cùng mẹ giữa lúc bà sắp từ trần.

Nghĩ đến đây, cả cái ký-vãng

đời anh lại hiện qua trong tưởng-tượng.

Bach-Hùng bồ-côi cha từ nhỏ Mẹ hóa con côi làm ăn nuôi nhau. Thời kỳ này cảm-động lắm, nhưng chẳng có chuyện gì đáng kể. Anh nhớ rằng hai mẹ con lần hồi rau cháo nuôi nhau, như thế mãi đến năm anh mười bảy tuổi thì một đêm kia, một đêm mùa đông dầm - dìa sương móc, một đêm lạnh lùng đã trao cho anh bao nỗi kinh hoàng, mẹ anh ốm hấp - hối, gọi anh đến cạnh giường mà bảo rằng:

—Con ơi, mẹ sắp phải lìa con. Mẹ thương con lắm! Nhưng này. con đừng khóc, hãy lắng tai nghe nhời mẹ giãi đây. Câu truyện này mẹ đề bụng đã lâu, bây giờ con đã nhớn tuổi mà mẹ thì sắp phải lìa con, mẹ cần phải nói đề con rõ. Mẹ nói, con lắng nghe mà nhớ lấy. Con bồ côi cha từ thuở nhỏ. Con chỉ biết thế chứ thực ra không hiểu cha con vì lẽ gì cha con mất sớm. Cha con bị người ta giết đấy, con ạ. Vì thế nên con còn nhỏ tuổi đã côi cút khổ sở mà mẹ đang lúc trẻ-trung cũng thành kẻ vị vong Kẻ giết cha con, kẻ thù thứ nhất của đời con tên gọi là La-văn-Đấu. Năm nay hẵn ta độ chừng năm mươi tuổi, trọt con mắt bên phải. Con

nhớ kỹ nhé ... Tại sao La giết cha con ? Chỉ tại một câu truyện ghen ghét về tình. Nguyên hồi mẹ còn con gái, nhan sắc mẹ đẹp lắm. Nhiều người lấy làm ao ước. Trong đám, sốt sắng nhất có La và cha con. La người thô tục, tính hung tàn lại chỉ quen chơi bời lêu lổng nên về sau mẹ nhận nhời lấy cha con. Thực

ra thì nhà La giàu có và quyền thế hơn nhà cha con nhiều. La bị tuyệt vọng lại càng chơi bời hơn trước. Bao nhiêu của cải cha mẹ để cho, không mấy chốc bị La phá sạch.

Đến khi La nghèo khổ, La cho là tại cha con nên để lòng thù. Cái thù mới ghê gớm làm



sao ! Khi thì La vu cho cha con tội này tội khác, thuê cả Sa thúng "chài", phúc lắm cha con mới thoát chết. Những việc ấy, người trong làng đều biết, song không lấy gì làm chứng cứ nên không thể hại lại La nổi. Tưởng đến thế đã là quá, chẳng ngờ sự thù oán của La cứ như con đĩa đòi gõ

một đầu, nó bằm một đầu. Hẳn biết tính cha con hay vào rừng săn bắn một mình, bèn lén theo dùng tên nổ tầm nhựa sui bắn cha con chết...

Bạch-Hùng nghe mẹ nói đến đây, tấm lòng phục thù vụt chốc sôi nổi. Anh ta lúc ấy ví như con mãnh hổ bị thương, nắm tay nắm

xuống cạnh giường mẹ nằm, rít lên rằng :

— Gùng nỉ lồi ! (1), — di à ! kẻ thù giết cha con bây giờ đâu ?

Mẹ, Noọng-Hà, không trả lời, sẽ thò tay xuống dưới gối rút ra một mũi tên đưa cho con.

Bạch Hùng run tay tiếp lấy. Mũi tên vót bằng gốc vầu già, ba cạnh sắc như dao, mũi còn rày có vết máu, lâu ngày đã thẫm lại. Bạch-Hùng rùng mình toát mồ hôi. Tấn thảm kịch hiện ra trong tưởng tượng anh ta như một làn chớp trong đêm mưa bão.

Sau khi bắn chết cha con rồi, La-văn-Đấu sợ tội bèn trốn biệt. Từ ấy nhân nay mẹ không thấy tin tức gì về nó cả. Tuy nhiên, mẹ chắc nó vẫn còn sống. Nó còn sống thì thế nào con cũng trả được thù.

Người bệnh nói đến đấy bỗng ho rũ lên một thôi giải. Tiếng ho khô khan và đuối lảm. Bạch-Hùng biết rằng giờ cuối cùng của đời mẹ đã tới. Lòng anh ta bấy giờ tan tác như cánh bèo lúc ba đào.

Người bệnh nghỉ một lát lại nói :

— Vậy con thế trước mặt mẹ

đi. . . con thế sẽ không quên mối thù giết cha . . . thế sẽ đem mũi tên này bắn giả thù nhân . . .

Cái mệnh lệnh nghiêm khắc ấy làm cho anh lạnh lẽo cả người.

— Thế đi con ! . . . Sao con chậm nhời thế ? Con sợ ư ? . . .

— Không, con không sợ. Con xin thế cùng mẹ thế nào con cũng tìm cho được La-văn-Đấu để báo thù cho cha con.

Bà mẹ mỉm cười, vạt đầu xuống gối. Đờm rãi bỗng nổi lên, khò khè một lát thì mẹ Bạch-Hùng tắt nghỉ.

Trôn cắt cho mẹ song, Bạch-Hùng lập tức bỏ làng ra đi, đem theo cả mũi tên độc mà anh ta đã cẩn thận đựng vào một cái ống nứa Động mản nào anh cũng lang thang lan tới, nhưng vẫn tuyệt nhiên không thấy tăm hơi La-văn-Đấu đâu cả. Năm năm trời tìm kiếm như thế, Bạch Hùng đã tưởng thất vọng thì chợt ngày năm kia vợ vẫn đến Động-Móc tình cờ anh gặp ông Chánh Quan cũng trượt con mắt bên phải. Bạch-Hùng mừng lắm, lân la xin vào làm với ông ta. Anh để ý dò xét nhưng lại không phải. Ông Ma-văn-Quan chỉ giống thù nhân anh có con mắt trượt mà thôi.

1) Trời đất ơi.

Anh chán quá định lại đi. Nhưng đi đâu? Sáu bảy năm trời, động mán nào anh cũng qua rồi. Nhiều khi anh đoán có lẽ thù nhân của anh đã chết. Đoán thế, nhưng lương tâm anh hình như chẳng thuận. Anh lần lữa ở nhà ông chánh Quan, vút chốc đã được hai năm. Thường thường những lúc canh khuya rần rọc, những lúc sáng sớm bàng khuâng, anh nghe trong lòng văng vẳng như tiếng thúc giục: « Báo thù cha đi, chứ Bạch-Hùng ». Than ôi! cõi đời rộng lớn, anh tìm đâu cho thấy thù nhân!....

Bạch-Hùng vừa đi vừa nghĩ, thì trời đã tối dần. Nhà cửa trong làng theo nhau vào bóng tối. Thấp thoáng chỉ mấy cái ánh đèn lọt

qua phen vách như còn ghi lấy chút dấu vết trên nền đen vô hạn. Trong khoảng u âm lặng lẽ giọng ngòi như cắt to tiếng than thở triền miên. Anh ta dắt trâu xuống Suối cho uống nước và nhân thể rửa mặt, rửa tay chân. Đoạn đem trâu vào chuồng, tra gióng, cài văng tử tế, ôm cỏ cho trâu ăn, dựng cây vào chỗ mọi khi và sập cánh cổng xuống. Song mọi việc, Bạch-Hùng tiến đến chân thang nghiêng bằng nước rửa lại hai bàn chân trên một tảng đá ong. Anh ta trèo lên thang, con chó vàng sun-soe ra đón. Bạch-Hùng vuốt ve con chó đoạn bước vào trong nhà....

(Còn nữa)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi mới tiếp được:

1. Cuốn **Eurydice**. Cuốn này ông NGUYỄN TIẾN LĂNG viết, đã được *giải thưởng nhất của báo Indochine ở Saigon*. Nay Đông-Tây ấn-quán xuất bản, in một bên chữ tây, một bên chữ quốc ngữ, hai bên đối chiếu nhau. Bản dịch lại chính của ông Lăng, nhan đề là **TÌNH - XUA** — Sách dày 72 trang. Giá bán 0\$25.

2. Cuốn **Những cảnh khốn nạn**, thuộc về thể xã-hội tiểu-thuyết của ông NGUYỄN CÔNG HOAN viết. Hiệu sách Dương - xuân Hải-Dương xuất bản. Cái tài viết văn « ba đào ký » của ông Hoan thế nào, chúng tôi không cần phải nói nữa, chỉ xin thêm rằng đoạn « tay trắng trắng tay » (đoạn thứ nhất trong bộ trường thiên này), ông đã tả được nhiều cảnh éo le chua chát. Sách dày 218 trang, khổ nhỏ — Giá 0\$35:

Vậy xin cảm ơn hai tác giả và vui lòng giới thiệu cùng các độc giả.



HỘP THƯ

Ông Đặng - Quang - Ninh, Hải - Dương. —
Bức thư của ông hỏi tại sao cách chua âm ở
mục tự học tiếng Ăng-lê của bản tạp-chí có
mấy giọng khác hẳn với cách chua âm
của các sách dạy tiếng Ăng-lê của người
Pháp làm ra.

Xin ông coi mục “Tự học tiếng Ăng-lê” về kỳ này có bài nói
rõ cái có tự sao mà khác nhau đó.

Bác Hoàng-Kha Tam-kỳ — Hơn 10 năm giờ nhờ có Văn-học
mới biết tin nhau! Thật cũng may cho chúng ta. Mong bác
giúp cho Văn-học có nhiều đọc giả thì tôi cảm ơn lắm.

Ông Trần-Kim-Khang Tuyên-Quang và ông La thành Sự Hà-tiên —
Báo số 3 có gửi cho các ông. Xin các ông tra lại xem.

Ông Vũ Đức Ý Man-Mei — Mandat 4\$ của ông đã tiếp được. Báo-
kỳ nào cũng gửi ông xem — Không hiểu sao ông không tiếp
được số 3, và 5. Ở xã-hội mình, kẻ muốn xem « báo không » sao
cứ thấy mãi.

Ông Nguyễn-Nghĩa-Phương Mỹ-tho và ông Phan-V-Huân Phan
Thiết — Tạp-chí số 2 hết cả. Chúng tôi còn đang in lại. Các ông
xem ở cuối trang 87 trong Văn-Học số 6 sẽ rõ.

Ông V. A. — Những thư từ ông cứ gửi thẳng cho ông Trần-
trung-Viên 13 Rue Miribel Hanoi.

Ông Ngô Lê-Tổ Phu-mỹ — Xin nhắc ông cái thư số 384 của
chúng tôi viết cho ông ngày 29-9-32. Mong ông vì cảm tình
vì ích chung mà gửi ra cho chúng tôi những tài liệu ấy để
chúng tôi tiện kê cứu và đăng vô tạp-chí.

Ông N. P-Tân-Hiệp — Xin ông gửi cho 2 bức ảnh của cụ Phan-
Thanh-Giang như nhờ đã hứa trong thư.

Lệ mua báo phải giả tiền trước. Những
thư mua báo không kèm ngay mandat
hay timbres postes, tòa báo không gửi và
không trả lời

TỰ-HỌC TIẾNG ẮNG-LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

DƯƠNG - TỰ - NGUYỄN

NHỜI DẶN

VỀ CÁCH ĐỌC MẤY GIỌNG RIÊNG CÓ
TRONG TIẾNG ẮNG-LÊ

Có nhiều người đã học qua một ít tiếng Ắng-lê theo cách chưa âm của người Pháp ở mấy quyển sách dạy tiếng Ắng-lê cho người Pháp dùng, nay lại học theo những bài tự học tiếng Ắng-lê ở trong *Văn Học Tập-Chí*, chắc lấy làm lạ vì thấy có nhiều giọng đọc khác hẳn với những giọng đọc khi trước đã học qua. Vậy xin tạm lấy ít chữ làm thí dụ, và sẽ nói rõ cái cơ tự sao mà khác nhau như sau này :

CHỮ ẮNG-LÊ	Một cách chưa âm của người Ắng - lê	Cách chưa âm của người Pháp	Cách chưa âm của V. H. T. C.
T. — TOO	<i>Toō</i>	<i>Tou</i>	<i>Thu</i>
TAKE	<i>Tāk</i>	<i>Téke</i>	<i>Théc kh</i>
DOCTOR	<i>Dok'tér</i>	<i>Dok tor</i>	<i>Đoóc thờ</i>
STILL	<i>Stil</i>	<i>Stil</i>	<i>S-thil</i>
C. — COME	<i>Kūm</i>	<i>Com</i>	<i>Khâm</i>
CAN	<i>Kăn</i>	<i>Can</i>	<i>Khen</i>
COULD	<i>Kood</i>	<i>Coud</i>	<i>Khut</i>
K. — KEEP	<i>Kēp</i>	<i>Kipe</i>	<i>Khip</i>
KIND	<i>Kīnd</i>	<i>Kaīnd</i>	<i>Khanh</i>
KITE	<i>Kit</i>	<i>Kaīte</i>	<i>Khach</i>
QU. — QUEEN	<i>Kwēn</i>	<i>Kouin</i>	<i>Khuin</i>
QUES-	<i>Kweschūn</i>	<i>Koues-tcheu-</i>	<i>Khoe-s-chăn</i>
TION		<i>ne</i>	
QUITE	<i>Kwīt</i>	<i>Kouaīte</i>	<i>Khoach-th</i>

Ba cách chua âm ở trên đều khác nhau cả là vì cách chua âm của mỗi nước và mỗi bộ sách một khác. Vả lại, khi học tiếng nước ngoài có nhiều giọng không thể lấy tiếng nước mình mà chua cho đúng được; những giọng nào mà tiếng nước mình không có, đành phải dùng cách ghép vần khôn khéo để cho người học đọc lên, người khác có thể hiểu được là tốt lắm rồi. Người học phải nhớ những cách chỉ dẫn của mỗi bộ sách mà theo.

Cách chua âm của người Ẫng-lê — Chữ too chua âm là t̄oo, vì người Ẫng lê đọc chữ T là *thi* (theo giọng Annam chớ giọng Pháp không có). Hai chữ O gạch dài một cái ở trên để làm dấu cho người đọc phải đọc giải giọng U (theo giọng Annam).

Chữ take chua âm là tak̄. Chữ T ở trên cũng theo giọng th của Annam. Chữ A gạch ngang một cái ở trên để làm dấu đọc giải giọng ê (theo giọng Annam). Còn chữ K để chỉ nghĩa phải có giọng k ở đằng sau (tức giọng kh của Annam).

Chữ doctor chua âm là dok't̄er. Chữ O ở đây phải đọc ngắn giọng. Dưới chữ K có cái dấu phẩy (') để tỏ nghĩa giọng dok phải đọc mạnh hơn giọng ter. Chữ T ở đây cũng đọc theo giọng th của Annam.

Chữ still chua âm là stil, chữ L đứng đằng sau để chỉ nghĩa khi đọc xong giọng sti phải để cái đầu lưỡi hơi cong lên trên.

Những chữ Come, Can, Could chua âm là k̄um, k̄an, k̄ood là vì chữ C của Ẫng-lê phải đọc như giọng chữ k (tức là giọng kh của Annam, tiếng Pháp không có giọng này). Chữ U, A, và OO có cái dấu nửa vòng ngược lên để chỉ nghĩa phải đọc ngắn giọng ă, e, và u (theo giọng Annam).

Những chữ keep, kind, kite chua âm là k̄ep, k̄ind, k̄it là vì chữ K ở đây phải đọc đúng giọng (tức là giọng kh của Annam). Chữ E và I có cái gạch giải ở trên để

chỉ nghĩa phải đọc giải tiếng E và I của Ăng-lê (tức là giọng I và AY của Annam).

Chữ Queen, Question, Quite chua âm là kwēn, kweschūn, kwit là vì giọng QU của Ăng-lê phải đọc như giọng chữ K (tức là giọng KH của Annam).

Cách chua âm của người Pháp — Trong tiếng Pháp không có giọng nào đọc giống giọng T và K của Ăng-lê (tức là giọng th và kh của Annam). chỉ vì người Pháp không có những giọng ấy cho nên chữ T và K của Ăng-lê, người Pháp chua là ti và ké, đọc lên không đúng với chính giọng Ăng-lê. Về bao nhiêu những tiếng Ăng-lê có chữ T, cách chua âm của người Pháp đều sai lầm hết cả. Đó là một khuyết - điểm trong các sách dạy tiếng Ăng-lê của người Pháp làm ra.

Giọng C và giọng K của người Pháp cũng giống như nhau, cho nên những chữ come, cau, could, người Pháp đánh chua âm là com, can, coud' chứ không có cách gì chua khác đi được.

Cách chua âm của Văn-Học tập-chí : Trong tiếng Annam có giọng TH để chua cho giọng T của Ăng-lê rất đúng. Lại có giọng kh để chua cho giọng k, c, và qu, của Ăng-lê cũng được đúng lắm.

Những chữ d, f, k, l, s, t, x, ch, sh, th đứng ở cuối chữ đều phải đọc là đờ, phờ (hay là fờ), khờ, lơ, si, thờ, xờ, chờ, shờ và thờ, nhưng giọng đọc rất nhẹ, bình như người nói thầm vậy. Vì lẽ ấy, cho nên chỗ chua âm chỉ để có chữ phụ âm (consonne) mà bỏ chữ nguyên âm (voyelle) đi.

Thí dụ như chữ take thì chua là thêc-kh để chỉ cách đọc là thêc-khờ, nhưng giọng khờ ở đằng sau phải đọc rất nhẹ thôi. (Xin xem những chỗ cần phải chú ý ở mấy kỳ Văn-Học Tập-Chí trước kia).

(Còn nữa)

TỰ' HOC TIẾNG TÀU

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

TIẾNG QUẢNG-ĐÔNG

DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

BÀI THỨ 18 (bài nói)

你 所 講 都 係 好
嘅, 但 係 我 怕
喺 李 先 生 處
都 有 乜 工 做

佢 近 來 有 工 做
所 以 我 想 搵
一 間 公 司 俾
工 佢 做

你 間 寫 字 樓 有
幾 多 人 呢

共 埋 有 四 十 人
呵
我 聞 得 你 辭 咗
十 個 人

係, 我 重 要 辭 一
兩 個 人 添

Nị sỏ công tú hày
hầu kê, tàn hày
ngộ pha hày Lí
sín sáng suy tú
mau mắt công
chủ,

Khựi khần lỗi mau
công chủ, sỏ dĩ
ngộ sưởng uẩn
dắt cán công sí
pỉ công khựi
chủ.

Nị cán sỏ chỉ lâu
dậu kĩ tổ dân nị?

Cụng mài lậu sậy
sắp dân a.

Ngộ mẩn tắc nị sì
chỗ sắp cô dân.

Hày, ngộ chùng
diu sì dắt lưỡng
cô dân thím.

Ông nói vậy cũng
tốt, nhưng tôi sợ
ở chỗ ông Lí
cũng không có
việc gì làm.

Gần đây nó không
có việc làm, cho
nên tôi muốn
tìm một sở nào
có việc cho nó.

Trong nhà giấy của
ông có mấy
người làm?

Tất cả có bốn
mười người.

Tôi nghe nói ông
đã giãn mất 10
người.

Phải, tôi còn muốn
giãn ra một vài
người nữa.

點解你一齊辭
咁多人呢

銀水咁有定,樣
樣野太貴,買
賣極難,所以
唔請得咁多
人

有一个係我親
人,你可以請
番佢唔呢

我係請番佢,要
辭第二個人

第二個人佢有
咁易嘅

我做事都要公
道至得呵

Tìm cái nị dất sày
sì cảm tổ dân nị.

Ngân sủi cảm mau
tềng, dương
dương dễ thai
quay mãi mại
kịc nân, sỏ dĩ ầm
sỉng tắc cảm tổ
dân.

Dậu dất cô hày ngộ
sắn dân, nị hồ
dỉ sỉng phán
khựi ầm nị.

Ngộ hay sỉng phán
khựi diu sì tà
y dì cô dân.

Tà y dì cô dân pha
mau cảm dì kê.

Ngộ chủ sì tú diu
cốg tú chi tắc a.

Làm sao ông giã
một lúc nhiều
người thế?

Giá bạc không nhưt
định như thế,
hàng họ cái gì
cũng đắt, buôn
bán khó quá,
cho nên không
mượn được nhiều
người.

Có một người là bà
con với tôi, ông
có thể lại cho nó
trở về làm chăng?

Nếu tôi lại cho nó
làm tôi phải giã
người khác ra.

Giã người khác
sợ không dễ như
thế.

Tôi làm việc phải
công bình mới
được.

BÀI THỨ 19

賭 錢 ĐÁNH BẠC

富, 窮
贏, 輸
欠, 借

噲, 倒

Phu, khùng
Dềng, sủy
Him, chề

U-uj, tầu

Giàu, nghèo
Được, thua
Thiếu tiền, mượn
tiền
Có thể, được (đồ
đi)

呢, 害
求, 開
緊, 要
多, 數
不, 少
中, 意
因, 爲
自, 然
一, 有 錢
一, 个 人 有 好 多
錢, 就 係 富

點 解 佢 窮 得 咁
緊 要 呵

佢 時 時 都 賭, 一
有 錢 就 賭, 點
得 唔 窮 呢

賭 錢 真 係 害 人
咯
賭 錢 多 數 係 呢
人 嘅

昨 日 佢 贏 咗 九
百 銀

今 日 佢 輸 番 一
千 二 百 銀

有 錢 個 時, 佢
唔 求 人

Ngắc, hồi
Khàu, hổi
Cẩn diu
Tổ sâu
Pắt sủ
Chùng y
Dẫn uày
Chì dìn
Dắt dậu sìn
Dắt cô dân dậu
hần tổ sìn châu
hày phu.

Tỉm cái khựi
khùng tắc cầm
cẩn diu a.

Khựi sì sì tú tổ.
dắt dậu sìn châu
tổ, tỉm tắc ầm
khùng ní.

Tổ sìn chấn hày
hồi dân lỗ.
Tổ sìn tổ sâu hày
ngắc dân kê.

Chọc dật khựi
dèng chỗ cầu
pạc ngân.

Cấm dật khựi sủy
phán dắt sìn dì
pạc ngân.

Dậu sìn cô sì, khựi
ầm khàu dân

Lừa đảo, hại
Càu, mở
Quan hệ (quá lắm)
Phần nhiều
Không ít
Bằng lòng, thích
Nhân vì
Tự nhiên
Hãy có tiền
Người nào có
nhiều tiền gọi là
giàu.

Làm sao nó nghèo
quá vậy?

Nó bao giờ cũng
đánh bạc, hễ
có tiền thì đi
đánh bạc ngay;
làm sao cho khỏi
nghèo được.

Đánh bạc thật là
hại người.

Đánh bạc phần
nhiều là lừa dối
người.

Hôm qua nó được
900 đồng bạc.

Hôm nay nó lại
thua mất 1200
đồng bạc.

Khi có tiền nó
không cần ai.

賭輸咁佢噲嚟
求我借錢

佢欠人借款不
少

點解有的人咁
中意賭錢呢

因為佢想贏錢

佢贏唔倒就點
樣呢

贏唔倒就係輸

輸得多噲點樣
呢

輸得多噲窮

咁樣賭錢唔係
好大害嘅

自然係好大害

佢欠開賭嘅人
好多借款

我話賭錢係害
人好緊要呵

有錯,我都係咁
話

Tổ sủy chõ, khừi
u-uj lầy khau
ngô chề sin.

Khừi him dân chề
phủn pắt sủ.

Tỉm cái dậu tí dân
cầm chúng y tổ
sin ní?

Dần này khừi
dềng sin.

Khừi dềng ầm tầu
chầu tỉm dưởng
ní?

Dềng ầm tầu chầu
hàys úy.

Sủy tắc tổ u-uj
tỉm dưởng ní?

Sủy tắc tổ u-uj
khùng.

Cầm dưởng, tổ sin
ầm hày hẫu tài
hồi kê?

Chì dìn hày hẫu
tài hồi.

Khừi him hời tổ
kê dân hẫu tổ
chề phủn.

Ngô u-oà tổ sin
hày hời dân hẫu
cản diu a.

Mậu sô, ngô tú
hày cầm u-oà.

Khi thua bạc nó
bèn đến tôi hỏi
vay.

Nó mắc nợ người
ta nhiều lắm.

Làm sao có người
thích đánh bạc
như vậy?

Bởi vì họ muốn
được tiền.

Họ đánh bạc không
được thì thế
nào?

Đánh bạc không
được tức là thua
bạc.

Thua nhiều rồi
thế nào?

Thua nhiều rồi
phải nghèo.

Như thế thì đánh
bạc có hại to
lắm, phải
không?

Phải lắm, có hại
to lắm.

Nó mắc nợ người
chứa bạc nhiều
lắm.

Tôi nói đánh bạc
hại người quá
đổi.

Đúng lắm, tôi cũng
nói như vậy.

Báo đáp ○ 答. Ăn ở cho vừa lòng người đã làm ơn cho mình :
 Hãy cho báo đáp ân tình cho phu (Kiều). *Rendre un bienfait reçu.*

Báo chương ○ 章. Tờ báo : Báo chương ở xit ta xuất bản
 càng ngày càng nhiều. *Journal.*

Báo giới ○ 界. Tiếng gọi chung các nhà báo : Ông ấy đã nổi
 danh trong báo giới. *La presse, le journalisme.*

Báo hỉ ○ 喜. Báo tin mừng (thường nói về việc cưới) : Giấy
 báo hỉ. *Faire part de mariage.*

Báo hiếu ○ 孝. Đền ơn cha mẹ : Làm con phải lo báo hiếu
 cho cha mẹ. *S'acquitter des devoirs de piété filiale.*

Báo hiệu ○ 號. Ra dấu, ra hiệu để báo cho biết : Đốt lửa để
 báo hiệu. *Avertir un signal convenu.*

Báo phục ○ 復. Đền ơn, trả thù : Đạo trời báo phục chũn
 ghê (Kiều). *Rendre la pareille.*

Báo quán ○ 館. Tòa báo, chỗ làm báo : Báo quán « Văn-học
 tạp-chi » ở phố Hàng Bông. *Bureau d'un journal, d'une revue.*

Báo tang ○ 喪. Báo tin người mất : Giấy báo tang. *Faire part
 de décès.*

Báo thù ○ 讐. Trả thù : Ông Nguyễn-Trãi đi theo vua Lê Thái-
 Tổ để báo thù cha cứu nạn nước. *Venger.*

Báo ứng ○ 應. Việc ứng nghiệm tự nhiên, hễ làm lành thì
 gặp lành, làm ác thì gặp ác : Xem cơ báo ứng biết tay trời già
 (Nhị-độ-Mai). *Justice immanente.*

Bào 炮

Bào-chế ○ 製. Sao và chế các vị thuốc : Căn thuốc ở hiệu
 bào-chế. *Pharmacie.*

Bào 胞

Bào ○. Bọc giầu (nhau) ở trong bụng đàn-bà : Ông Cao Bá-Quát
 và ông Cao Bá-Đạt là hai anh em đồng bào song sinh. *Utérus.*

Bào đệ ○ 弟 **Bào huynh** ○ 兄. Em ruột, anh ruột. *Propre
 frère.*

Bào thai ○ 胎. Cái thai còn ở trong bọc mẹ. *Fœtus.*

Bào 泡

Bào ảnh ○ 影. Cái bọt và cái bóng, không được bao lâu : *Chiếc thuyền bào ảnh thấp tho mắt ghềnh* (Cung-oán). *Lit. Bulle d'air et ombre. Fig. Chose de courte durée.*

Bảo 保

Bảo ○. Giữ gìn, coi sóc. *Garder, protéger.*

Bảo anh ○ 嬰. Coi giữ trẻ con : *Hội bảo-anh, nhà bảo-anh.* *Protection de l'enfance.*

Bảo cô ○ 孤. Nuôi trẻ mồ-côi : *Ở tỉnh này mới lập một hội bảo-cô.* *Orphelinat.*

Bảo cô ○ 辜. Theo luật cũ của ta, kẻ đánh người bị thương nặng phải nuôi cơm phục thuốc cho người ấy được yên toàn thì khỏi phải tội, gọi là nuôi bảo cô. (Theo nghĩa này ta hay nói tránh là « báo cô ». Nghĩa rộng là nuôi một người chỉ ăn hại không giúp đỡ được việc gì : *Tôi nuôi báo cô thằng ấy trong mấy năm nay.* *Droit, nourrir et soigner une personne qu'on a grièvement blessée. Ext. Nourrir, entretenir qq. n. sans en tirer aucun profit.*

Bảo cử ○ 舉. (Cũng nói là bầu cử). Cử người xứng đáng sung vào chức vị gì : *Bảo-cử lý-trưởng, bảo cử hội-viên.* *Elire.*

Bảo chủ ○ 主. (Ta thường nói tránh là « bầu chủ ». Đừng đảm nhận cho người vay nợ : *Đói thì nằm mà ngủ, chớ có bầu chủ mà chết.* *Garant, caution.*

Bảo chủng ○ 種. Giữ gìn lấy giống nòi : *Phương thuốc bảo chủng không gì bằng khuyến khích thể-thao.* *Conserver la race.* || Bênh vực những người cùng nòi cùng giống, không làm hại lẫn nhau : *Ta phải biết bảo chủng họp quần mới mong đua tranh với người được.* *Défendre les hommes de sa race.*

Bảo chứng ○ 證. Vật đem để làm chứng và bảo lãnh việc mình nhận làm : *Người nhận thầu phải có tiền ký quỹ để làm bảo chứng.* *Garantie, caution.*

Bảo hành ○ 行. Đảm nhận về một vật gì trong một thời-hạn nhất định, hễ vật ấy hư hỏng thì phải chữa hoặc đền lại : *Hãng ô-tô này bán xe có bảo-hành trong một năm.* *Garantie.*

Bảo hiểm ○ 險. Phòng giữ sự nguy hiểm. Nói về một công-ti đảm-nhận sự bồi thường về sự tổn thiệt do một việc tai nạn bất-kỳ xảy ra như thủy tai, hỏa tai, tật bệnh, sinh-mệnh v. v. : Công-ti bảo hiểm. *Cái nhà này có bảo hiểm.* Assurer, assurance.

Bảo hoàng ○ 皇. Nói về một chánh đảng lấy việc bênh-vực nhà vua làm chủ-nghĩa : *Phái bảo-hoàng.* Royaliste.

Bảo hộ ○ 護. Giữ gìn bênh-vực : *Xứ Bắc-kỳ là một đất chịu quyền bảo-hộ của nước Pháp.* Protéger ; protectorat.

Bảo-hộ mậu dịch ○ 護貿易. (Tiếng kinh-tế học). Nói về một chánh-sách trong việc buôn bán, vì muốn bênh-vực công-nghệ trong nước, đánh thuế nhập-cảng nặng để hàng-hóa nước ngoài ít đem vào bán trong nước được : *Những nước thực-nghiệp còn thua kém nước ngoài thường thi-hành chánh-sách bảo-hộ mậu dịch.* Protectionniste ; protectionnisme.

Bảo lĩnh (lãnh) ○ 領. Đứng đảm-nhận cho một người nào về việc gì : *Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung chiếu (Kiều).* Se porter garant, répondant.

Bảo mẫu ○ 母. Người đàn bà trông nom trẻ con : *Mỗi ấu-trĩ viên có một người bảo-mẫu để chăm nom trẻ con.* Gouvernante.

Bảo tàng viện ○ 藏院. Nhà chứa các đồ có giá-trị về mỹ-thuật, công-nghệ, v. v., để công-chúng vào xem xét nghiên-cứu : *Ở Hà-nội có viện bảo-tàng của trường Khảo-cổ.* Musée.

Bảo-toàn ○ 全. Giữ gìn cho an-toàn : *Người ta dù gặp cảnh-ngộ gì, cũng nên bảo-toàn lấy danh-dự.* Conserver intact.

Bảo tồn ○ 存. Giữ gìn cho còn lại, khỏi mất đi : *Ta nên bảo-tồn các cổ-lích.* Conserver.

Bảo thủ ○ 守. Giữ gìn cho khỏi suy kém đi : *Phải lo bảo-thủ lấy quyền-lợi trong thương-trường.* Sauvegarder, maintenir.

Bảo trợ ○ 助. Bênh-vực giúp đỡ : *Người này học được thành tài là nhờ có chủ bác bảo trợ cho.* Protéger et aider.

Bảo trọng ○ 重. Giữ gìn quý trọng : *Người ta phải biết bảo trọng thân-thể và danh-dự của mình.* Conserver et respecter.

Bảo 抱

Bảo phụ ○ 負. Chỉ-hướng nuôi sẵn ở trong lòng muốn làm nên công nghiệp to tát : *Người ấy ngay từ lúc còn trẻ đã có bảo-phụ lớn.* Conception.

Bạo 暴

Bạo ○. Hung ác, dữ tợn : *Bạo ngược, tàn bạo. Cruel, violent.* || Không nhút nhát, không sợ hãi : *Bạo dạn, bạo gan, bạo nói, bạo tay. Audacieux, téméraire.*

Bạo bệnh ○ 病. Bệnh thốt-nhiên đau dữ, đau nặng : *Người ấy vẫn khỏe mạnh, thốt nhiên mắc bạo bệnh mà chết. Maladie violente, à évolution brusque et rapide.*

Bạo động ○ 動. Làm việc gì một cách hung tợn : *Không hề bạo động mà thành công được. Agir avec violence.*

Bạo hổ bằng hà ○ 虎 憑 河. Bắt Lỗ tay không, lội sông tay không. Nói về người táo tợn làm gì không nghĩ trước nghĩ sau : *Anh chỉ bạo hổ bằng hà, có khi nguy đến tính-mệnh mà không nên công chuyện gì. Fig. Agir imprudemment. Lit. Attraper un tigre les mains vides et passer un fleuve à la nage.*

Bạo phát ○ 發. Thịnh lĩnh trở nên giàu sang : *Ông này thật là bạo phát, trước kia nghèo túng, mới có vài năm mà giàu đến hàng vạn. Parvenir brusquement à une haute situation.*

Bát 扒

Bát ○. Lái thuyền về phía tay phải, trái với tiếng « cạy » là lái thuyền về phía tay trái : *Một con thuyền cạy bát bên sông (ca cò). Diriger une embarcation vers sa droite.*

Bát 八

Bát ○. Tám. Huit.

Bát âm ○ 音. Tám thứ tiếng trong âm-nhạc là bào (tiếng sênh), thổ (tiếng trống đất), cách (tiếng trống da), mộc (tiếng mõ gỗ), thạch (tiếng khánh đá), kim (tiếng chuông đồng), ti (tiếng dây đàn), trúc (tiếng ống sáo tre). Ta thường dùng để chỉ chung các đồ âm-nhạc : *Đám ma này vừa có bát âm tàu, vừa có bát âm ta. Huit sons musicaux (produits par huit instruments de musique différents). Les instruments de musique en général.*

Bát bửu (bảo) ○ 寶. Tám thứ đồ thờ thần bày trong đền miếu cho oai : 1° đàn, sáo ; 2° lẵng hoa ; 3° thư, kiếm ; 4° bầu rượu ; 5° túi thơ ; 6° cuốn thư, bút ; 7° khánh ; 8° quạt vãi. Trong đền thờ thần, hai bên hương án bày bộ bát bửu làm bằng gỗ sơn thếp vàng. *Les huit objets de culte.*

Một quyển sách nhà nào cũng cần phải có, ấy là cuốn :

NAM NỮ TU TRI

男
女
須
知

Trong có những mục như :

TỔNG LUẬN VỀ NAM NỮ ÁI TÌNH VÀ Ý NGHĨA SỰ GIAO
HỢP — CÁCH ĐỀ PHÒNG KHI XUÂN TÌNH PHÁT ĐỘNG. Kinh
nguyệt. NHỮNG ĐIỀU CON TRAI NÊN CHÚ Ý ĐÊM HÔN MỚI
CƯỚI, TRẠNG HUỐNG KHI THỤ THAI. Nguyên nhân thành
thai, kết thành nam thai hay nữ thai Những nguyên
nhân có con và cách chữa cho có con Hôn nhân vệ
sinh. những điều đàn bà sắp đẻ nên biết v. v.

Sách dày gần 100 trang giá 0\$25

Ở xa gửi thêm cước đảm bảo 0\$13, cước thường 0\$03
Có thể gửi bằng timbres postes cũng được. cứ đề:
Đông Tây Ấn - quán, 193 phố hàng Bông — HANOI

hotel

TAM-KY

KHACH LẦU

Nº 7 À 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 À 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 À 171 & 178 À 182 RUE

BOURDAIS SAIGON

GIÁ HẠ MÁT MẺ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN : Huỳnh huệ Ký

BÁO PHONG - HÓA

do ông

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

LÀM CHỦ - NHIỆM

Mời chấn chỉnh lại

khác hẳn trước



Cần thiết

hoạt động vui vẻ

8 hay 12 trang (khổ nhật trình)

GIA : 7 xu

TIỂU THUYẾT NÊN ĐỌC

1º Bể trần chìm nổi
(Gia đình tiểu thuyết) giá 0\$12

2º Giời có mắt
(Luân lý tiểu thuyết) giá 0\$12

3º Cũng bạn thoa quần
(Cảnh thế tiểu thuyết) giá 0\$12

Có bán ở ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN
193, Phố hàng Bông — Hanoi

Mua cả 3 quyển gửi bằng timbres
postes cũng được, cả cước 0\$48.

MỎI XUẤT BẢN

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán,
các nhà kỹ - nghệ, các nhà kế - toán,
các tư - gia và
các học - trò

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

CỦA DƯƠNG TỰ NGUYÊN SOẠN

Trong có những mục :

1.) Đại ý về nghề nhà băng. — 2. Phân biệt các nhà băng. —
3. Cách tổ-chức của các nhà băng ngày nay. — 4. Nhận
tiền của người khác gửi. — 5. Cách dùng séc. — 6. Cho
vay. — 7. Giấy giao kèo đổi bạc. — 8. Trả tiền hộ cho
người khác ở nơi xa. — 9. Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du
lich. — 10. Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng. — 11. Mua các
thương-phiếu. — 12. Phát hành giấy bạc. — 13. Đổi bạc các
nước. — 14. Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ-phần. —
15. Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tủ sắt. — 16. Hỏi
hộ các tin tức. — 17. Cách tính lãi. — 18. Cách khấu lãi
các thương phiếu. — 19. Cách lập sổ lưu trữ hằng ngày. —
20. Biểu liệt kê những tiền các nước và biểu tính lãi.

SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐÓNG BÌA VẢI THẬT ĐẸP.
GIÁ \$1.50 — CƯỚC GỬI \$0.25

Bán tại Đông Tây Ấn Quán, 193 PHỐ HÀNG BÔNG, HÀ NỘI
Nam Tân, 84, BOULEVARD BONNAL, HAIPHONG